FORTEX

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023

VƯƠN TỚI SỰ HOÀN HẢO

www.fortex.com.vn | https://www.facebook.com/fortexcorporation

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUẢN
Ký ngày: 18/4/2024 12:15:25

MỤC LỤC

I. THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 4

II. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN CƠ BẢN 5
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN 6
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH 7
4. THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ 16
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 17
6. CÁC RỦI RO 19

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023 24
2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ 25
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN 33
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 35
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU 37
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG CỦA CÔNG TY 39

IV. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2023 42
2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 44
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 46
4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ 48
5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI 49
6. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN 52

V. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 53
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 54
3. CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023 55

VII. QUẢN TRỊ CÔNG TY – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 57
2. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 58
3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 61
4. CÁC TIỂU BAN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 63
5. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 64

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BẢNG BIỂU

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro 20
Bảng 2: Thành viên Ban điều hành 25
Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm 28
Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex 33
Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2023 của Công ty 35
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính 36
Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023 37
Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2023 44
Bảng 9: Cơ cấu Tài sản Doanh nghiệp 46
Bảng 10: Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp 47
Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2023 57
Bảng 12: Thông tin Hội Đồng Quản Trị 61
Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT 61
Bảng 14: Thông tin về thành viên Uỷ ban kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023 63
Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán 64

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN CÔNG TY

Kính gửi các Quý cổ đông, đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên,

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, với sự giảm sút cả tăng trưởng GDP, thương mại và đầu tư toàn cầu. Trong khi nợ xấu gia tăng, lạm phát duy trì ở mức cao, gắn liền với các diễn biến xung đột chính trị, chiến tranh, thời tiết cực đoan và dịch bệnh trên diện rộng. Dẫn đến việc đứt gẫy các chuỗi cung ứng toàn cầu, gia tăng giá cả nguyên vật liệu sản xuất, thị trường tiêu thụ sụt giảm toàn diện trong đó có ngành Dệt may đã chịu ảnh hưởng không hề nhỏ.

Trước tính hình kinh tế vĩ mô có nhiều khó khăn biến động như thế Công ty đã chủ động thay đổi chiến lược, kế hoạch phát triển để thích nghi với điều kiện thực tế. Tập chung sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao là thế mạnh của công ty từ đó nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh và giảm chi phí. Đồng thời tiếp tục khai thác triệt để các nhu cầu đơn hàng của thị trường ngách đã phát triển trong khi chờ đợi cấp phép chứng nhận xuất khẩu hàng hóa (BIS) vào Ấn độ.

Nền kinh tế thế giới và Việt nam năm 2024 được dự báo còn tiếp tục khó khăn thách thức. Ngành dệt may còn phải đối mặt với nhiều cơ chế, quy định mới của các thị trường như: EPR, CBAM hay chỉ thị OECD của EU. Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu thị trường, tìm kiếm thêm các nguồn vốn, và đưa ra những quyết nghị kịp thời hiệu quả trong quản trị để hoàn thành mục tiêu, định hướng chung của công ty trong năm 2024 là duy trì sản xuất ổn định bền vững, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Đồng thời tạo ra giá trị thặng dư để phát triển công ty và mang lại quyền lợi cho cổ đông.

Với sự quyết tâm cao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và sự đồng lòng của tập thể CBCNV công ty và sự ủng hộ của Quý cổ đông, tôi tin tưởng chúng ta sẽ vượt qua được mọi khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2024.

Kính chúc Quý vị - Quí Cổ đông

SỨC KHỎE – HẠNH PHÚC – THÀNH CÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(đã ký)

LÊ MẠNH THƯỜNG

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin cơ bản
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch	:	**Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân Giấy**
CNĐKKD	:	**Số 1000400095 do Sở KH&ĐT Tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 30/10/2006, thay đổi lần thứ 12 ngày 07/11/2023**
Vốn điều lệ	:	**500.000.000.000 đồng *(Năm trăm tỷ đồng)***
Địa chỉ	:	**Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình**
Số điện thoại	:	**+8422 7384 5379**
Email	:	**contact@fortex.com.vn**
Website	:	**http://fortex.com.vn/**
Mã cổ phiếu	:	**FTM**

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2002

02 Nhà máy sợi Đại cường đầu tiên đi vào hoạt động với công suất 1740 tấn/năm

2006

Công ty CP ĐT & PT Đức Quân được thành lập với số vốn 50 tỷ đồng

2007

04 Thay đổi cơ cấu góp vốn, tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng

2008

03 Thành lập 2 nhà máy sợi công suất 4500 tấn/năm và 2000 tấn/năm

2011

05 Thành lập nhà máy sợi thứ 3 công suất 8700 tấn/năm

2015

Tăng vốn lên 430 tỷ và 500 tỷ đồng 02

2016

03 ĐHĐCĐ thông qua việc đăng ký niêm yết sở GĐCK TPHCM

2017

Cổ phiếu FTM của công ty giao dịch trên sàn 04

2019

Thay đổi mô hình quản trị công ty

2023

05 Thay đổi đăng ký kinh doanh bổ sung ngành nghề cho thuê nhà xưởng kho bãi

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất sợi

  + Sợi 100% Polyester Virgin

  + Sợi 100% Recycled Polyester Dyed.

  + Sợi 100% Recycled Polyester.

  + Sợi 100% Cotton Chải thô (CD); Chải kỹ (CM)
- Sản xuất vải dệt thoi
- Hoàn thiện sản phẩm dệt
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác
- Sản xuất hàng may sẵn, …

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của Fortex là sản xuất và kinh doanh các loại sợi cotton chất lượng cao bao gồm sợi chải thô CD, sợi chải kỹ CM, sợi 100% Polyester (PE) nguyên sinh và 100% Polyester tái sinh thường và màu đây là dòng sản phẩm mới thân thiện với môi trường bởi sản phẩm sợi không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt và hoàn tất sản phẩm. Sản phẩm sợi thuộc chiến lược sản xuất xanh hướng tới phát triển bền vững với đầu ra là nguyên liệu sợi tái sinh 100% sản xuất tại Việt Nam là lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm hàng dệt may khi Việt Nam ký kết hiệp định EVFTA, CPTPP.

Bên cạnh sản xuất và kinh doanh sợi thành phẩm, Fortex còn kinh doanh thương mại các loại sợi khác, kinh doanh bông nguyên liệu đầu vào nhập khẩu và các nguyên phụ liệu ngành sợi bán buôn cho các doanh nghiệp trong nước.

Sản phẩm sợi

Sợi 100% Polyester nguyên sinh (100% Polyester Virgin)

Sợi Polyester (PE) là một loại sợi tổng hợp với thành phần cấu tạo đặc trưng là ethylene (nguồn gốc từ dầu mỏ).

Sợi được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật liệu cách điện… Sợi Polyester có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống là không hút ẩm, nhưng hấp thụ dầu. Chính những đặc tính này làm cho Polyester trở thành một loại vải hoàn hảo đối với những ứng dụng chống nước, chống bụi và chống cháy. Khả năng hấp thụ thấp của Polyester giúp nó tự chống lại các vết bẩn một cách tự nhiên. Vải Polyester không bị co khi giặt, chống nhăn và chống kéo dãn. Nó cũng dễ dàng được nhuộm màu và không bị hủy hoại bởi nấm mốc. Vải Polyester là vật liệu cách nhiệt hiệu quả, do đó nó được dùng để sản xuất gối, chăn và áo khoác ngoài.

Sợi màu 100% Polyester tái sinh (100% Recycled Polyester Dyed)

Polyester màu tái sinh được sử dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, vớ "bít tất". Không qua công đoạn tẩy nhuộm sau dệt, sợi Polyester tái sinh có nhiều ưu thế hơn khi so sánh với các loại sợi truyền thống cotton và Polyester nguyên sinh như rút ngắn công đoạn sau dệt, đảm bảo ưu thế giảm chi phí sản xuất, thân thiện với môi trường. Hiện nay sản phẩm sợi được sử dụng nhiều trong các sản phẩm dệt may và may mặc với tính cơ lý ngang bằng các sản phẩm may mặc truyền thống như sợi PE nguyên sinh, sợi cotton và sợi pha, đặc biệt là giá thành chế biến rẻ tăng lợi thế cạnh tranh đối với các sản phẩm cùng loại.

Sợi 100% Cotton Chải thô, Chải kỹ

Cotton là loại chất liệu được sử dụng phổ biến trong các trang phục hàng ngày bởi chúng mang lại cảm giác thoáng mát, dễ chịu cho người mặc. Từ thời xa xưa, sau khi trồng trọt xuất hiện, con người đã biết đến cách trồng bông. Những quả bông sau khi thu hái được kéo thành sợi bông (hay còn gọi là sợi Cotton) dùng để dệt vải.

Về ưu điểm, Cotton đem lại cảm giác thoáng mát, thoải mái cho người mặc bởi khả năng hút ẩm tốt, thấm mồ hôi cao. Về nhược điểm, chất liệu Cotton khá cứng, thường thích hợp với nam giới.

Các sản phẩm sợi của Fortex:

CD

(Sợi Cotton chải thô CD)

- Thành phần: 100% cotton chãi thô
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi OE
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

CM

(Sợi Cotton chải kỹ CM)

- Thành phần: 100% cotton chãi kỹ
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng
- Yêu cầu: Sợi bông dài
- Chất lượng: Trơn hơn, mềm hơn và thấm hút hơn so với các loại sợi CD
- Đặc tính: Hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất áo sơ mi, đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Các chỉ số: Ne 28 – Ne 60

PE Virgin

(Sợi 100% Polyester nguyên sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester nguyên sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng "ring spun"
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay đồ lót và chăn ga trải giường chất lượng cao
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 50/1

PE Recycled Dyed (Sợi 100% Polyester màu tái sinh)

Thành phần: 100% xơ Polyester màu tái sinh.

Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng " ring spun"

Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.

Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người

Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay.

Sợi dệt không qua công đoạn tẩy nhuộm trước và sau công đoạn hoàn tất.

Sợi dùng trong dệt kim và dệt kiếm

PE Recycled

(Sợi 100% Polyester tái sinh)

- Thành phần: 100% xơ Polyester tái sinh.
- Công nghệ: Áp dụng công nghệ quay vòng " ring spun"
- Yêu cầu: loại 1.2D -1.4D; 38MM.
- Đặc tính: Hút ẩm giữ nhiệt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người
- Sử dụng: Thường dùng để dệt các loại vải mềm, sản xuất quần áo, vớ, găng tay, đồ lót…
- Sợi dùng trong dệt kim; dệt khí.
- Chi số từ: Ne 20/1 – Ne 40/1

Địa bàn kinh doanh

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19, thị trường Trung quốc đóng băng. Năm 2023 công ty tiếp tục cơ cấu lại sản xuất và thị trường tiêu thụ. Tập trung khai thác các thị trường mới ổn định và phù hợp với dòng sản phẩm của công ty đang sản xuất. Sản phẩm sợi Fortex hiện được khách hàng tin dùng và tiêu thụ tại các thị trường khó tính như Châu Mỹ và một số nước như Hàn Quốc, Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia, Maylaysia, Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, …

Trong năm 2023, Công ty đã dịch chuyển từ thị trường Trung quốc sang thị trường Ấn độ với mặt hàng chủ đạo là Polyester với tỷ trọng 30%. còn lại là tiêu thụ nội địa.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Năm 2023 công ty tiếp tục cơ cấu lại thị trường tiêu thụ tập trung khai thác các thị trường ngách mới nổi đã phát triển trong năm 2022.

Thị trường tiêu thị chính của công ty là Ấn độ và Brazil chiếm tỷ trọng 30% còn lại là nội địa.

Khách hàng lớn

Sợi Polyester
- ACE Global (india)
- Fine Yarn (india)
- Nimish Syntex (idida)

Sợi Cotton
- Bhartia Yarn
- Bluezen Clothing
- ACE Global

Nhà cung cấp lớn

Bông
- Strykarm Oversear
- One commodites
- Uday cotton
- Qingdao Sunrise
- OSC Cotton

Xơ
- Fujian Jingwel
- Nanyang
- Indorama polyester
- Zhejiang Hengyi

Nhà máy sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật

Fortex có trụ sở chính tại Lô A3 - KCN Nguyễn Đức Cảnh, Đường Trần Thái Tông, Phường Tiền Phong, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình và 02 nhà máy tọa lạc tại KCN Nguyễn Đức Cảnh , TP Thái Bình và 01 nhà máy tại Khu Công Nghiệp Tiền Hải , Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình.

Tại các nhà máy của Fortex hiện nay đều được trang bị dây chuyền thiết bị kéo sợi đồng bộ, hiện đại bao gồm: Hệ thống dây cung bông (Máy xé, máy trộn, máy lọc kim loại, máy lọc sơ ngoại lai), máy chải thô, máy ghép, máy cuộn cúi, máy chải kỹ, máy sợi thô, máy sợi con, máy đánh ống tự động, hệ thống điều không, thiết bị phòng thí nghiệm…

Máy móc của công ty chủ yếu nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức, Nhật, Trung Quốc… Hệ thống kéo sợi của Fortex được cung cấp chủ yếu bởi RIETER – Thụy Sỹ, hãng cung cấp uy tín hàng đầu Thế giới về thiết bị cho công nghệ kéo sợi.

Trung tâm kiểm soát chất lượng với thiết bị kiểm soát từ USTER, nhà cung cấp hàng đầu Thế giới về thiết bị đo lường – kiểm tra chất lượng các sản phẩm sợi – dệt.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

ĐỨC QUÂN 1

Nhà máy
Đức Quân 1:
17.460 cọc sợi
Công suất
3.330 tấn /năm

ĐỨC QUÂN 2

Nhà máy
Đức Quân 2:
38.400 cọc sợi
Công suất
6.200 tấn /năm

ĐỨC QUÂN 5

Nhà máy
Đức Quân 5:
45.360 cọc sợi
Công suất
7.500 tấn /năm

Tổng Quan

Fortex có 03 nhà máy sản xuất với tổng 101.000 cọc sợi tương đương công suất 17.500 tấn/năm

Máy Rieter G35: 1620 * 28
Máy Zinser 360: 1200 * 32
Máy Shanghai: 504 * 35

Các sự kiện và thành tích nổi bật

Với những nỗ lực và đóng góp không ngừng trong quá trình hoạt động, Fortex vinh dự được đón nhận những danh hiệu nổi bật.

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt dành cho các thương hiệu và sản phẩm tiêu biểu của Việt Nam hội nhập quốc tế

Uỷ ban quốc gia về hợp tác kinh tế Quốc tế tặng Bằng khen "Thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế"

UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận “Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ”

UBND Thành phố Thái Bình chứng nhận “Doanh nghiệp tiêu biểu về đổi mới công nghệ”

Chứng chỉ bảo hộ bởi Cục Sở hữu Trí tuệ cho mặt hàng sợi các loại

UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen “ Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh XNK năm 2017 góp phần phát triển KT-XH của Tỉnh”

UBND tỉnh Thái Bình tặng bằng khen “Đã có thành tích tiêu biểu trong công tác an sinh xã hội năm 2019 “

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty hoạt động theo mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mới được chuyển đổi từ mô hình tổ chức quản lý Công ty cổ phần quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp từ ngày 25/06/2020.

Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến thời điểm 31/12/2023):

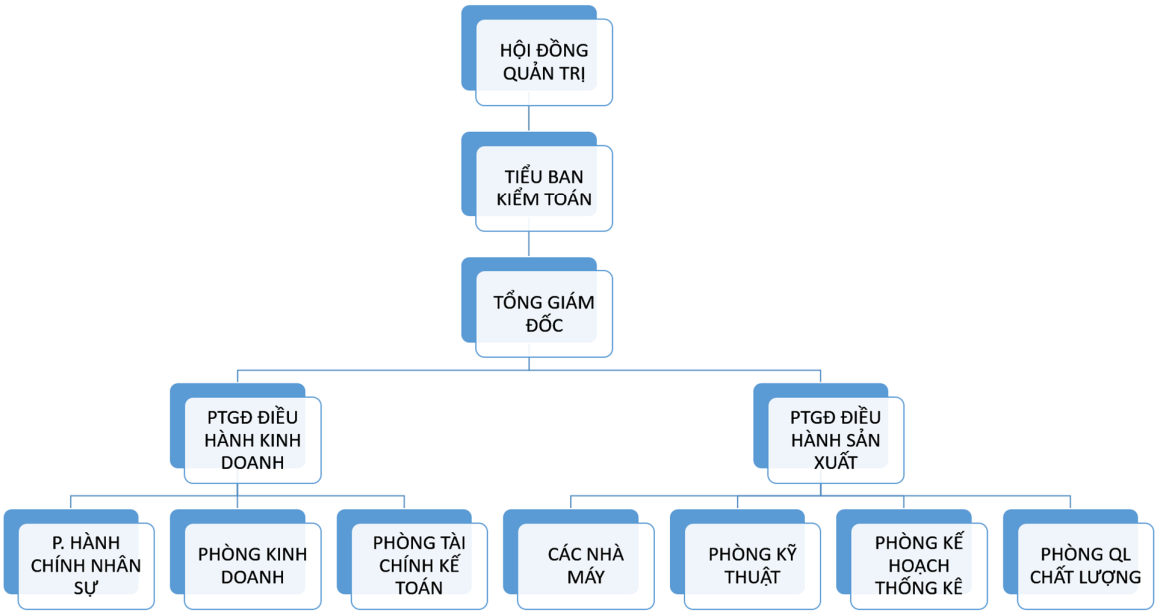

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Không có Công

ty liên kết: Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Mục tiêu hoạt động

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, mục tiêu chủ yếu của Công ty là: "Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh."

Chiến lược phát triển chung

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô và bối cảnh kinh doanh có nhiều điểm không thuận lợi và thách thức của năm 2023, Ban điều hành Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đức Quân luôn chủ động tìm kiếm cơ hội trong nguy cơ, tập trung trọng điểm vào nâng cao hiệu quả sản xuất, mở rộng thị trường và duy trì mạng lưới khách hàng hiện hữu. Công ty tiếp tục duy trì và phát huy đẩy nhanh hơn nữa tốc độ tăng trưởng của công ty, tối đa hóa lợi ích của khách hàng để tạo giá trị gia tăng chung cho công ty và xã hội. Mục tiêu tăng trưởng của công ty về doanh thu và lợi nhuận trong các năm từ 2023 - 2030 phấn đấu mức tăng trưởng bình quân hằng năm từ 10% trở lên.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Công ty mong muốn mang lại cho các đối tác và khách hàng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, giá cả hợp lý nhất đồng thời hạn chế thấp nhất gây ô nhiễm môi trường.

CÁC RỦI RO

Quản trị rủi ro

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro trong quá trình sản xuất, kinh doanh, hàng năm, Tổng Giám đốc chỉ đạo xem xét và phê duyệt khung quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty. Công ty đã xây dựng khung quản trị rủi ro, áp dụng quy trình nhận diện, phân tích, đo lường và đánh giá và tiếp cận các rủi ro có thể xảy ra, từ đó sẽ tìm kiếm và đưa ra các biện pháp kiểm soát, khắc phục các hậu quả của rủi ro đối với hoạt động kinh doanh, sản xuất. Mục đích cuối cùng chính là giảm thiểu tổn thất xuống mức thấp nhất có thể. Đồng thời biến những bất lợi từ rủi ro thành cơ hội để dẫn đến thành công

Sơ đồ quy trình quản trị rủi ro

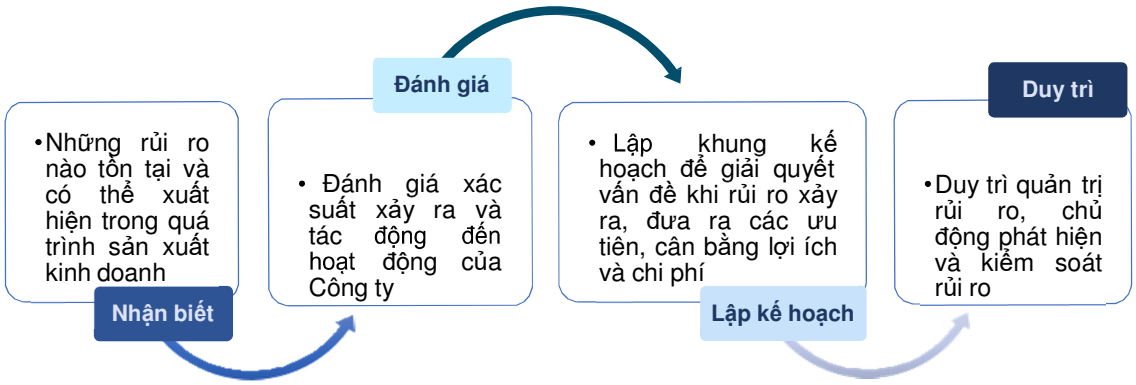

Các rủi ro Công ty gặp phải

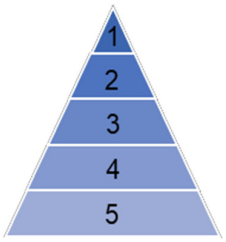

Thang đo xác suất xảy ra

1- Xác suất xảy ra bằng 0

2 - Xác suất xảy ra thấp

3 - Xác suất xảy ra trung bình

4 - Xác suất xảy ra lớn

5 - Xác suất xảy ra rất lớn

Thang đo tác động

1 - Không ảnh hưởng

2 - Ảnh hưởng nhỏ

3 - Ảnh hưởng bình thường 4 - Ảnh hưởng lớn

5 - Ảnh hưởng rất lớn

Bảng 1: Các nhân tố rủi ro

Nhận biết rủi ro	Đánh Giá	Giải Pháp
Rủi ro hệ thống	Khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thiên tai, dịch bệnh có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu dùng sản phẩm dệt may và do đó có thể ảnh hưởng tới khả năng bán hàng của doanh nghiệp. Tình hình dịch Covid – 19 trên toàn cầu đã có dấu hiệu qua đỉnh và thuyên giảm, đặc biệt Việt Nam đã mở cửa trở lại và dỡ bỏ các rào cản về y tế. Tuy nhiên rủi ro dịch bệnh ở các nước thị trường chính của công ty vẫn là nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ***Đánh giá: Xác suất: 4; Tác động: 3***	Để đạt được tốc độ tăng trưởng doanh thu mục tiêu, Công ty tích cực phát triển các khách hàng mới và thị trường mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành để giữ chân khách hàng thân thiết. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng công tác nghiên cứu phát triển để ra những sản phẩm có tính năng kỹ thuật đặc biệt.
Rủi ro cạnh tranh	Fortex là một trong những nhà sản xuất sợi Cotton hàng đầu Việt Nam, năng lực sản xuất sợi	Với mô hình kinh doanh chú trọng vào cơ sở vật chất hiện đại, đội ngũ nhân viên lành nghề, chuyên

	lớn nhất miền Bắc. Hiện nay, các đối thủ cạnh tranh lớn của Fortex đang có xu hướng dịch chuyển sang sản xuất phân khúc cao cấp hoặc sợi tái chế, từ đó có thể thấy tại thị trường sản xuất sợi Cotton, Fortex vẫn đang nắm lợi thế cạnh tranh lớn.	nghiệp và hệ thống quản lý hiện đại, Công ty tin tưởng sẽ duy trì được khả năng cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và giá thành cạnh tranh.
	Đánh giá: Xác suất: 2, Tác động: 2	
Rủi ro lãi suất	Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Việc lãi suất cho vay biến động có ảnh hưởng rất lớn tới kết quả HĐKD của Công ty. Giai đoạn năm 2023 để điều hành ổn định kinh tế vĩ mô và kìm chế lạm phát Ngân hàng nhà nước đã tăng lãi suất và siết chặt tín dụng, Công ty cũng chịu sự ảnh hưởng không nhỏ	Với đặc thù ngành nghề kinh doanh, Công ty cần vốn lưu động lớn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty phải luôn chủ động và nỗ lực trong việc tìm kiếm nguồn vốn giá rẻ, ngoài việc tăng nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty lựa chọn tổ chức tín dụng, tổ chức phi tín dụng có mức lãi suất cạnh tranh để huy động vốn nhằm tiết giảm chi phí cho Công ty.
	Đánh giá: Xác suất: 1, Tác động: 1	
Rủi ro nguồn nhân lực	Ngành Dệt May là một trong những ngành sử dụng lao động cao ở Việt Nam, do đó vấn đề nhân công rất được Công ty chú trọng quan tâm. Hiện nay, Việt Nam đã trải qua thời kì "dân số vàng" nên nguồn cung lao động cho Ngành Dệt May đang dần thiếu hụt trong tương lai và các	Để đảm bảo luôn đủ nguồn nhân lực, Công ty đã có những chính sách ưu đãi cho người lao động: điều chỉnh tăng mức lương các bậc, trong đó ưu tiên tăng lương cho lao động có tay nghề cao, tổ chức xét tăng lương định kỳ; áp dụng các chế độ thưởng về năng suất, chất lượng, chuyên cần,

	nhóm ngành công nghiệp chế tạo cũng đang thu hút lao động bằng các ưu đãi, môi trường làm việc tốt hơn. Vì vậy, rủi ro thiếu nguồn nhân lực trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty. ***Đánh giá: Xác suất: 3, Tác động: 3.***	thưởng thành tích cuối năm; áp dụng các chế độ phụ cấp; phối hợp tốt với Công đoàn lao động thực hiện chăm lo cho đời sống tinh thần và vật chất của người lao động. Song song với đó, Công ty cũng chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ- kỹ năng tay nghề của CBCNV, xây dựng đội ngũ kế thừa
Rủi ro Pháp luật	Sự thay đổi của các chính sách Pháp luật về Thị trường chứng khoán, thuế, hải quan, bảo vệ môi trường, lao động có thể làm tăng chi phí vận hành của doanh nghiệp. ***Đánh giá: Xác suất 2, Tác động: 2***	Để đảm bảo tuân thủ và hạn chế rủi ro pháp lý, Công ty đã triển khai các quy trình kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động có nguy cơ phát sinh rủi ro pháp lý trong nội bộ. Từng phòng chức năng cũng thường xuyên được cập nhật các văn bản pháp luật mới, tập huấn các qui định pháp luật chuyên ngành liên quan chức năng của mình.
Rủi ro môi trường	Ngành sản xuất phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường. Vấn đề bảo vệ môi trường, xử lý chất thải sau quá trình sản xuất kinh doanh là thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí: phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất,… ngày càng cao cũng ảnh hưởng đến kế quả kinh doanh của Công ty.	Hiện tại, Công ty đã tuân thủ đầy đủ và đang thực hiện tốt các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường, các chi phí phát sinh cần thiết liên quan đến công tác bảo vệ môi trường được tính toán nằm trong kế hoạch chi phí của Công ty. Công ty đã có kế hoạch đầu tư thêm dây chuyền sản xuất các sản phẩm sợi dệt mầu không qua tây nhuộm

	Đánh giá: Xác suất: 4, Tác động: 3	hạn chế tối đa chất thải ra môi trường

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023

1. **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
2. **Tổ chức và nhân sự**
3. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**
4. **Tình hình tài chính**
5. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**
6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2023 là năm khó khăn nhất trong suốt hơn 30 năm xuất khẩu của ngành dệt may nếu không tính năm 2020 thế giới đóng cửa vì dịch bệnh. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), nếu như năm 2022, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng gần 10% so với năm 2021 thì sang đến năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng cũng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Kim ngạch giảm 10% toàn ngành, trong đó đơn giá sản xuất giảm 30%, thậm chí nhiều doanh nghiệp trong ngành dệt may có mã hàng giảm tới 50%. Bên cạnh đó là rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định.

Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn trên đã khiến tổng doanh thu thuần của công ty năm 2022 chỉ đạt 174,9 tỷ đồng, giảm 7.65% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế mặc dù vẫn còn âm do trích lập các khoản dự phòng nhưng so với năm 2023 thì lợi nhuận tăng 31.8% (từ âm 473 tỷ xuống còn âm 322.4 tỷ).

.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách các thành viên Ban điều hành

Bảng 2: Thành viên Ban điều hành

1. Thành viên Ban điều hành năm 2023:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Ông Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	0 cổ phần	0%
Ông Trần Xuân Tiến	TV HĐQT - Phó TGĐ	0 cổ phần	0%
Ông Đào Văn Nam	Kế toán trưởng	0 cổ phần	0%

Sơ yếu lý lịch các thành viên ban điều hành:

Tổng Giám Đốc - *Ông Đỗ Văn Sinh*

Họ và tên	: Đỗ Văn Sinh
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 31/03/1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác	: Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

2004 – 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường

2013 – 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

2017 – 2018: Trợ lý TGĐ - Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung

T12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

T4/2019 – nay: Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Phó Tổng Giám đốc - *Trần Xuân Tiến*

Họ và tên	: Trần Xuân Tiến
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 19/10/1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư điện – Cử nhân quản trị kinh doanh
Chức vụ công tác	: Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

6/2007– 8/2010: nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

8/2010 - 10/2019: Trưởng phòng kỹ thuật công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

11/2019 - Nay: Phó Tổng Giám Đốc công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Kế toán trưởng - *Ông Đào Văn Nam*

Họ và tên	: Đào Văn Nam
Giới tính	: Nam
Ngày tháng năm sinh	: 23/06/1990
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ QTKD - Cử nhân kế toán tài chính
Chức vụ công tác	: Kế toán trưởng

Quá trình công tác

7/2018 – 12/2018: Nhân viên kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

12/2018 - 11/2019: Phó phòng kế toán công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

11/2019 - Nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân

Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi.

Chính sách đối với người lao động

Số lượng lao động trong công ty:

Bảng 3: Số người lao động trong công ty theo năm.

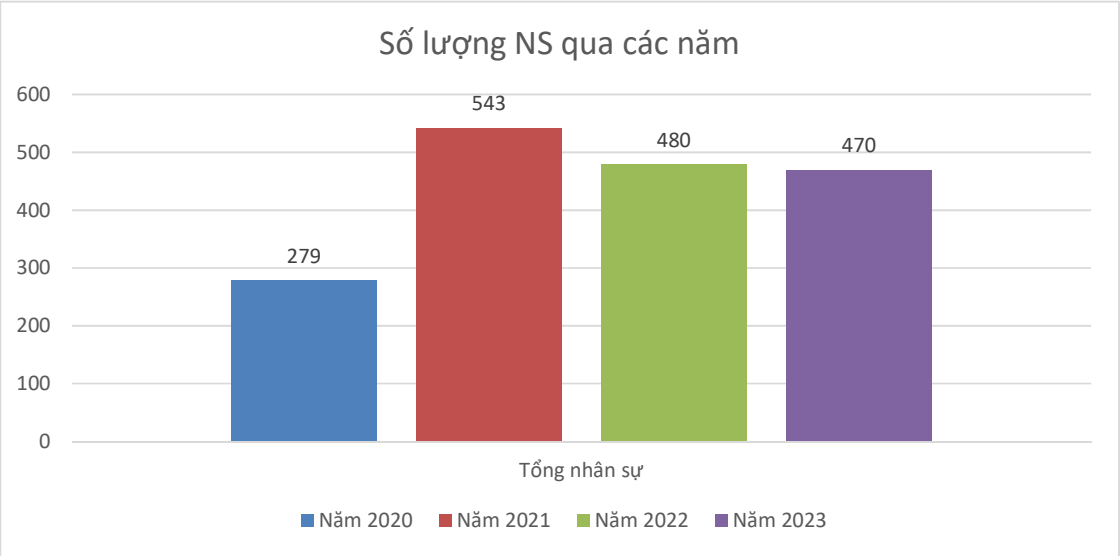

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 làm gián đoạn sản xuất kinh doanh, Công ty phải tạm dừng hoạt động hai nhà máy Đức Quân 2, Đức quân 5 chỉ duy trì hoạt động sản xuất nhà máy Đức Quân 1 sản xuất hàng tiêu thụ nội địa, vì vậy số lượng lao động giảm. Năm 2021 tình hình dịch Covid-19 đã ổn định dần nhờ vào tỷ lệ tiêm phủ vắc xin cao, các chính sách mở rộng của Chính phủ và ngân hàng Nhà nước dần cho thấy hiệu quả, nền kinh tế đang trên đà bình thường hóa và dần hoạt động nhộn nhịp. Các đơn hàng của Fortex cũng tăng dần, công ty khôi phục hoạt động của nhà máy Đức quân 2, Đức Quân 5 vì vậy trong năm 2021, số lượng công nhân viên của Công ty đã tăng 94,62% từ 279 lên 543 người. Sang năm 2023 công ty duy trì hoạt động sản xuất 3 nhà máy số lượng lao động biến động giảm do đây là số liệu cuối năm khi người lao động có sự lựa chọn thay đổi công việc vào cuối năm mặt khác Công ty có sự thay đổi về thời gian làm việc trong ngày từ 3 ca sản xuất/ ngày sang 2 ca kéo dài/ ngày làm thay đổi định biên nhân sự, giảm số nhân sự so với trước.

Cơ cấu lao động

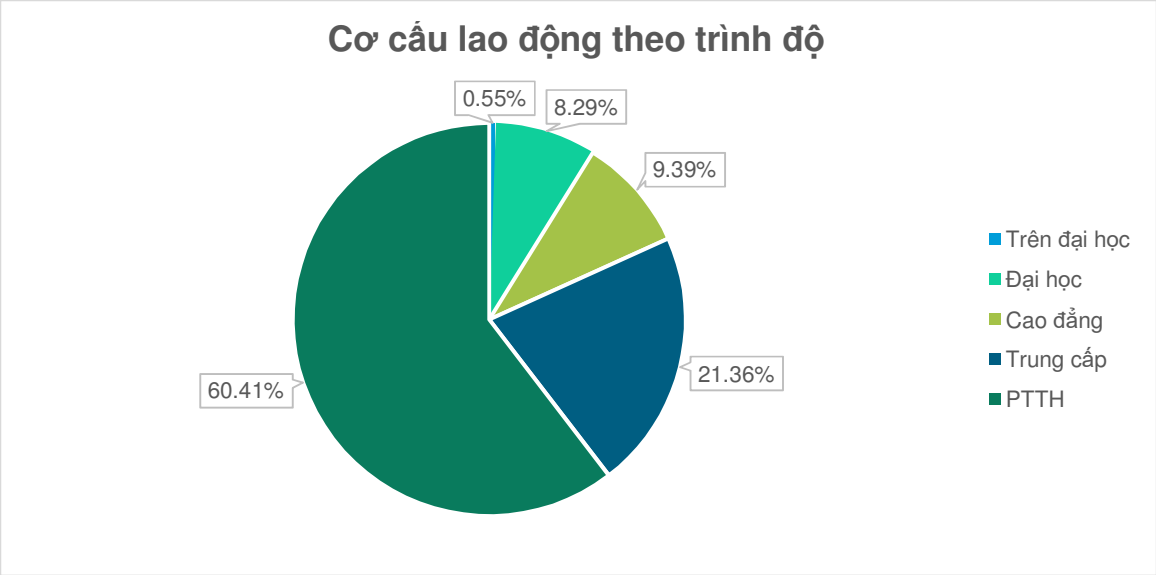

Chính sách đối với người lao động:

Cán bộ công nhân viên là tài sản quý giá nhất của Công ty. Công ty luôn cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống eo hình thức khoán sản lượng, khoán công việc, ai làm tốt, sản lượng cao thì thu nhậcho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách tiền lương minh bạch thp cao, không chi trả theo hình thức lương thời gian theo ngày công không khuyến khích đánh giá được hiệu quả công việc của người lao động. Ngoài ra còn có các khoản phụ cấp theo lương để khuyến khích người lao động như phụ cấp chuyên cần , phụ cấp tay nghề, phụ cấp ca đêm….Định kỳ hàng năm căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty thưởng cho người lao động thêm khoản thu nhập tương đương bằng 1 tháng lương.

Công ty luôn ban hành quy chế Thưởng- Phạt vào mỗi năm trên tinh thần công khai, minh bạch, thưởng phạt rõ ràng. Thông báo trước cho người lao động nhằm khuyến khích người lao động gia tăng hiệu quả công việc đồng thời thực hiện đúng theo quy định của Công ty, duy trì nét văn hóa trong Doanh Nghiệp.

Các chính sách an toàn lao động được quan tâm hàng đầu, cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Đồng thời xây dựng một môi trường làm việc công bằng, bình đẳng, cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đảm bảo về vật chất và tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực và phù hợp với định hướng phát triển vào làm việc tại Công ty. Tùy vào từng vị trí tuyển dụng, Công ty đưa ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, cân bằng giữa tuyển dụng lao động trong nội bộ và bên ngoài Công ty. Chính sách tuyển dụng Công ty chú trọng quá trình sàng lọc đánh giá ứng viên phù hợp với từng vị trí làm việc, đánh giá người ứng tuyển không chỉ ở năng lực mà còn đánh giá phẩm chất, tinh thần học hỏi, trách nhiệm, cầu tiến và khả năng gắn bó lâu dài. Mỗi cá nhân ở bất kỳ vị trí nào đều tạo cơ hội cho phát triển bản thân , năng lực và thăng tiến , mỗi cá nhân được xem là mảng ghép không thể thiếu, có ý nghĩa trong việc thực hiện mục tiêu chung của Công ty.

Thu hút lao động bên ngoài doanh nghiệp thông qua các phương tiện truyền thông, trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm, hội chợ việc làm, thông báo tuyển dụng ở các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề... Công ty thu hút lao động ở các lĩnh vực: kỹ sư điện tử hóa, công nhân kỹ thuật cơ điện, lao động phổ thông trong các nhà máy …. ưu tiên những cá nhân có kinh nghiệm làm việc.

Chính sách đào tạo:

Đi đôi với công tác tuyển dụng, Công ty rất quan tâm và coi trọng việc đào tạo. Đào tạo trước khi làm việc, đào tạo trong khi làm việc và đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc nhằm tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên thực hiện công việc một cách hiệu quả nhất và có cơ hội thử thách ở các vị trí cao hơn. Các khóa học ngắn hạn bên ngoài và các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên được tổ chức định kỳ mỗi năm cho tất cả công nhân viên Công ty.

Thông qua việc đào tạo, nhân viên sẽ được nâng cao kiến thức, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cùng các kỹ năng khác. Đồng thời, qua quá trình đào tạo, nhân viên cũng xác định được mục tiêu phát triển của bản thân phù hợp với mục tiêu phát triển của chung Công ty.

Các khóa đào tạo của Công ty được thiết kế một cách hiệu quả dựa trên yêu cầu thực tiễn hoạt động của từng bộ phận chức năng, nhằm đảm bảo cho cán bộ nhân viên có thể áp dụng được tối đa những kỹ năng, kiến thức đã được đào tạo vào trong công việc. Công ty tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến trong công việc, nhất là những người có tính cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc.

Trong năm 2023 Công ty tổ chức 20 khóa đào tạo chuyên môn trong đó có 5 khóa đào tạo thuê đội ngũ chuyên môn bên ngoài, 15 khóa đào tạo nội bộ cho các quản lý nhà máy và người lao động (Không kể các khóa đào tạo tay nghề hàng tháng cho người lao động mới)

Chế độ làm việc:

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật. Về điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát đảm bảo đến mức tối đa an toàn vệ sinh lao động, tạo điều kiện tốt nhất về điều kiện làm việc để người lao động phát huy được hiệu quả lao động. Nhà ăn thoáng mát, sạch đẹp , đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Nước uống có nhiều loại cho người lao động từ nước lọc, nước nóng, nước chè …. Mỗi người lao động được trang bị bình nước cá nhân riêng đảm bảo vệ sinh và thuận tiện trong công việc.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ,
THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Bảng 4: Các khoản đầu tư lớn của Fortex

STT	Khoản đầu tư tài chính/Dự án	Tình hình thực hiện
1	Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BID2_18.06, số lượng 24 trái phiếu, tại ngày 19/12/2018, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VNĐ/1 trái phiếu, thời hạn trái phiếu 10 năm, hình thức phát hành ghi sổ, ngày phát hành 19/12/2018, ngày đáo hạn 19/12/2028. Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 4 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất cộng với 1%. Phương thức trả lãi: trả sau, thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm 1 lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu.
2	Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	Dự án Nhà máy kéo sợi Đức Quân 6 được triển khai tại khu công nghiệp khí mỏ Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, và khởi công từ tháng 4 năm 2015 với tổng mức đầu tư 505.749,78 triệu đồng. Việc triển khai xây dựng nhà máy sợi Đức Quân 6 đang tạm ngừng, nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, lượng đơn đặt hàng giảm mạnh kéo theo nhu cầu sản xuất giảm nên Công ty đang tạm ngừng hoạt động xây dựng nhà máy trên. Chi phí xây dựng cơ bản đã thực hiện: 64.509 triệu đồng.

3	Khoản hợp tác đầu tư dự án bất động sản với Công ty Cổ phần Bất động sản New City	Khoản hợp tác đầu tư giữa giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) ký ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành tại Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lại tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 m2 để xây dựng nhà chia lô, công trình thương mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với số tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019. Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào tài khoản góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lực Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền khai thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000m2 hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và một khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu tư chuyển khoản góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2023 của Công ty

Bảng 5: Tình hình tài chính năm 2023 của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	782.341,94	993.717,33	-21,3%
Doanh thu thuần	174.982,04	189.147,03	-7,49%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-248.163,56	-382.404,77	-
Lợi nhuận khác	-74.250,63	-90.646,93	-
Lợi nhuận trước thuế	-322.414,19	-473.051,70	-
Lợi nhuận sau thuế	-322.414,19	-473.051,70	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 đã Kiểm toán)

Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
1	**Khả năng thanh toán**		
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,3919	0,2796
-	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,3245	0,1947
2	**Cơ cấu vốn**		
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1,3873	1,9036
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-3,5841	-2,1066
3	**Năng lực hoạt động**		
-	Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,16	0,19
-	Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,48	1,64
4	**Khả năng sinh lời**		
-	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-250,1%	-184,3%
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-47,64%	-41,12%
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần:	-202,17%	-141,8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 đã Kiểm toán

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành : **50.000.000 cổ phần**

Loại cổ phần đang lưu hành : **Cổ phần phổ thông**

Công ty không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023

STT	Cổ đông	Số lượng	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước và cổ đông khác				
1	CĐ nhà nước	0	0	0%
2	CĐ khác	7,784	50,000,000	100%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân				
1	CĐ là tổ chức	20	220,010	0.44%
2	CĐ là cá nhân	7,764	49,779,990	99.56%
Theo tỷ lệ sở hữu				
1	CĐ lớn	2	15,866,500	31.73%
2	CĐ nhỏ	7,782	34,133,500	68.27%
Cổ đông trong nước và Cổ đông nước ngoài				
1	Cổ đông trong nước	7763	49,842,370	99.68%
2	Cổ đông nước ngoài	21	157,630	0.32%
Tổng cộng		**7,784**	**50,000,000**	**100%**

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân tiền thân là Công ty TNHH Dệt Đại Cường Thái Bình được chuyển đổi thành công ty cổ phần vào ngày 27/11/2013 theo GCN ĐKDN số 1000400095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp với vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/12/2023, công ty đã thực hiện các lần tăng vốn sau:

Lần	Thời gian hoàn thành	Vốn điều lệ tăng thêm (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (triệu đồng)	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	16/09/2015	280.000	430.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/02/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CN ĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 8 ngày 16/09/2015 - Cơ quan chấp thuận là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình
2	31/12/2015	70.000	500.000	Phát hành riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/12/2015 thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ - Giấy CNĐKDN số 1000400095 thay đổi lần thứ 9 ngày 31/12/2015 - Cơ quan chấp thuận Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm 2023, Công ty không tiến hành mua bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Hiện tại, không có loại chứng khoán khác ngoài cổ phần phổ thông của CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. **Mục tiêu đề ra:**

- **Môi trường** :

  Sử dụng tiết kiệm, sử dụng năng lượng tái tạo.

  Áp dụng hệ thống tự động hóa trong quá trình sản xuất.

  Kiên định thực hiện các biên pháp tiết giảm tiêu hao điện năng, nước và hạn chế tỷ lệ rác thải và phế phẩm.

- **Kinh tế** :

  Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận theo mục tiêu đề ra.

  Phát triển dòng sản phẩm thân thiện với môi trường.

  Duy trì các dòng hàng có giá trị gia tăng cao.

- **Xã hội** :

  Chia sẻ lợi với các bên liên quan.

  Nâng cao năng lực nguồn lao động thông qua các chương trình đào tạo .

Cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động.

Cải thiện các chính sách lao động, nâng cao kỹ năng làm việc và phát triển nghề nghiệp cho người lao động.

- **Giảm chất thải, rác thải:**

  Tăng tỷ lệ tái chế phế loại

  Tăng tỷ lệ tái chế sợi lỗi

  Tăng tỷ lệ tái sử dụng vật liệu : ống giấy, bao bì, balet, nilon…

2. **Giải pháp cụ thể :**

Tiêu thụ năng lượng

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã sử dụng nguồn năng lượng chính đến từ điện.

Trong quá trình vận hành nhà máy cũng như khối văn phòng, Công ty luôn chú trọng đến chiếu sáng môi trường làm việc, đồng thời sử dụng điện năng tiết kiệm, hiệu quả bằng cách:

- Kiểm soát tắt mở đèn theo thời gian làm việc, có các biện pháp phạt hợp lý cho những hành vi lãng phí điện, duy trì nhiệt độ điều hòa không khí ở chế độ hợp lý như 25 -26 độ C ban ngày.
- Bố trí kế hoạch sản xuất hợp lý, hạn chế vận hành các thiết bị tiêu thụ công suất điện lớn (như máy xé, máy bông, máy chải, máy nén khí...vào giờ cao điểm từ 17 giờ đến 20 giờ hàng ngày), không để các thiết bị điện hoạt động không tải.
- Đầu tư, cải tiến, thay thế dần các thiết bị cũ, lạc hậu, hiệu suất thấp bằng các thiết bị, công

nghệ có hiệu suất cao và tiết kiệm điện;

- Lắp thêm các thiết bị đo đếm điện năng tại các bộ phận (tổ/đội/dây chuyền) sản xuất để kiểm soát lượng điện sử dụng, đồng thời giao trách nhiệm tiết kiệm điện cho các bộ phận trong doanh nghiệp thực hiện.
- Tuyên truyền sâu rộng tới toàn bộ CBCNV và người lao động về thực hành tiết kiệm điện, xem chi phí tiền điện là một trong những chỉ số trong chi phí đầu vào của doanh nghiệp, cần phải theo dõi thường xuyên và tiết kiệm tại tất cả các khâu trong sản xuất, kinh doanh.

Tiêu thụ giấy, văn phòng phẩm

Nhận thấy việc sử dụng VPP tiết kiệm, hiệu quả sẽ vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường, công ty đã triển khai các cách để CBNV áp dụng:

- In hai mặt để tiết kiệm giấy
- Không in thừa
- Luôn đọc thử và xem trước
- Lưu trữ tất cả các tài liệu dưới file
- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt
- Sử dụng đúng kích cỡ giấy cho mục đích in

Trồng cây xanh

Duy trì tỷ lệ diện tích cho khuôn viên cây xanh, thường xuyên trồng thêm cây để đảm bảo không khí được thoáng mát bảo vệ môi trường như hút khí CO2, cung cấp O2 và ngăn giữ các chất khí bụi độc hại. Cây xanh còn có tác dụng hạn chế tiếng ồn.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước chính của Công ty đến từ nước máy.

Đối mặt với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, Công ty đề cao kiểm soát lượng nước sử dụng, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước, tận dụng tối đa những nguồn nước phát sinh như nước mưa tự thu thập, nước từ sông, hồ trong quá trình sản xuất, lắp các đồng hồ đo nước tại mỗi bộ phận và giao trách nhiệm tiết kiệm cho từng bộ phận thực hiện, kiểm tra và khắc phục rò rỉ hằng năm. Đối với khối văn phòng, chúng tôi đã thực hiện cài đặt dòng chảy nhỏ và vừa cho các thiết bị vòi vệ sinh, giảm sử dụng nước cho cảnh quan trang trí…

Nước tiêu thụ trong công ty chủ yếu chỉ sử dụng cho sinh hoạt, không sử dụng cho sản xuất sản phẩm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty áp dụng quy trình xả thải phù hợp với pháp luật và quy định về môi trường. Bên cạnh đó, Fortex luôn không ngừng tham khảo, cập nhật các quy định, chính

sách, tuyên truyền về bảo vệ môi trường tới từng bộ phận, từng nhân viên, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt trong tác động tới môi trường.

Bên cạnh đó, hiện nay, công ty đang trong quá trình đổi mới, tăng tỷ trọng sản phẩm sợi tái sinh màu không qua tẩy nhuộm, không dùng chất tẩy nhuộm, thân thiện và bảo vệ môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Nhân viên của Fortex được chia ca làm việc, mỗi ngày có 2 ca sáng – tối, sắp xếp linh hoạt để nhân viên công ty có khoảng nghỉ, đảm bảo sức khỏe lao động, có cung cấp miễn phí 2 bữa ăn/ ca làm việc. Công ty cũng áp dụng đầy đủ chế độ nghỉ lễ tết, nghỉ thai sản, chế độ bảo hiểm thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, hỗ trợ chi phí đi lại cho người lao động làm việc xa, trả lương làm ngoài giờ và có thưởng thêm cho các nhân viên hoàn thành tốt công việc.

Về an toàn lao động, Công ty cấp phát đồ dùng bảo hộ đầy đủ cho nhân viên như quần áo, mũ nón, tạp dề, găng tay… theo định kỳ. Ở nơi làm việc cũng trang bị đầy đủ thiết bị phòng chống cháy nổ, chập điện, nhân viên được đào tạo kiến thức về an toàn phòng cháy chữa cháy, luôn đề cao tinh thần cảnh giác. Cũng trong năm 2023, Fortex đã mở những khóa đào tạo nội bộ nâng cao tay nghề người lao động, đào tạo kỹ năng quản lý cho cấp quản lý nhà máy từ trưởng ca, quản đốc, nâng cao trình độ chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hiện đại 4.0.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. **Tổng quan ngành dệt may năm 2023**
2. **Đánh giá kết quả tình hình sản xuất kinh doanh**
3. **Tình hình tài chính**
4. **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức**
5. **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
6. **Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

TỔNG QUAN NGÀNH DỆT MAY NĂM 2023

Năm 2023 là năm khó khăn nhất trong suốt hơn 30 năm xuất khẩu của ngành dệt may nếu không tính năm 2020 thế giới đóng cửa vì dịch bệnh. Theo báo cáo từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), nếu như năm 2023, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,4 tỷ USD, tăng gần 10% so với năm 2021 thì sang đến năm 2023, ngành dệt may phải đối diện với nhiều thách thức do tác động của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, trong đó vấn đề lạm phát ở các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ, châu Âu khiến sức mua giảm, đơn hàng cũng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Năm 2023 kim ngạch xuất khẩu dệt may ước đạt 40.3 tỷ USD giảm 10% toàn ngành so với năm 2023. Đối với thị trường xuất khẩu chủ lực của nước ta là Mỹ, trong 11 tháng đầu năm 2023, giá trị xuất khẩu dệt may đã sụt giảm 18.2% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng cầu toàn ngành dệt may cũng ghi nhận mức giảm mạnh trong năm 2023 trong đó đơn giá sản xuất giảm 30%, cá biệt nhiều doanh nghiệp trong ngành dệt may có những mặt hàng số lượng lớn ghi nhận giá đặt hàng giảm đến 50%.

Không chỉ giá đặt hàng giảm mạnh, những yêu cầu dệt may của khách hàng cũng có sự thay đổi về khối lượng và thời gian giao hàng. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp dệt may. Hầu hết các doanh nghiệp dệt may đều báo lãi âm so với năm 202. Bên cạnh đó là rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá. Tất cả những điều này cũng đã phần nào nói lên những khó khăn của người điều hành, người lao động để có thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh được ổn định.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước ảnh hưởng của các khó khăn đến từ phía ngoài doanh nghiệp như các khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành dệt may nói riêng đã trình bày ở phần tổng quan ngành dệt may, các khó khăn đến từ nội tại doanh nghiệp như không tiếp cận được các nguồn tài trợ vốn, thiếu hụt lao động, ban tổng giám đốc đã luôn bám sát, báo cáo và nhận sự chỉ đạo của Hội đồng Quản trị cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao từ toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp Công ty khắc phục được những khó khăn, duy trì sự ổn định hoạt động SXKD. Quý I/23 và Quý II/23 doanh thu lần lượt là 36,2 tỷ và 57,2 tỷ tương đương tăng trưởng doanh thu quý là 58%, tuy nhiên do các khó khăn của thị trường chung ngày càng lớn khiến doanh thu của công ty bắt đầu suy giảm mạnh từ 57,2 tỷ trong quý II/23 xuống 46,8 tỷ trong quý III/23, và xuống 34,7 tỷ trong quý IV/23. Mặc dù theo chu kỳ kinh doanh bình thường thì Quý III và Quý IV thường là khoảng thời gian bùng nổ đơn hàng của ngành dệt may.

Bảng 8: Giá trị kế hoạch và thực hiện năm 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
A	B	C	(1)	(2)	(3=2/1)
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	605	175	29%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	- 322	-
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.8	- 322	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán)

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc không hoàn thành kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Việc thiếu hụt vốn lưu động trong khi không thể tiếp cận được các khoản vay của ngân hàng thương mại, khiến công ty không chủ động được trong việc hoạch định KQSX kinh doanh. Mặc dù công ty đã tìm được đối tác tài trợ nguyên liệu sợi màu tái sinh cho riêng nhà máy 2 thông qua hình thức gia công kết hợp tự doanh, cũng như huy động vốn trả trước của khách hàng cho việc vận hành nhà máy 1 tuy nhiên việc quá phụ thuộc vào khách hàng khiến công ty bỏ lỡ những thời điểm thuận lợi của thị trường như không mua được nguyên liệu khi giá tốt để đầu cơ và đợi hưởng lợi khi giá sợi tăng cao. Mặt khác chính các đối tác lớn của công ty bao gồm cả đối tác thuê gia công nhà máy 5 cũng bị ảnh hưởng nặng nề do khó khăn chung của ngành sợi, từ đó làm lỡ cơ hội gia tăng sản lượng để tiết giảm chi phí chế biến giúp tăng biên lợi nhuận.

Khó khăn trong tuyển dụng lao động, cạnh tranh lao động trong các công ty diễn ra gay gắt, sự dịch chuyển lao động khỏi ngành khiến công ty không chủ động được trong việc tăng sản lượng để tối ưu chi phí. Chính điều này khiến khoản lỗ phát sinh của Công ty trong năm chủ yếu là các chi phí cố định như khấu hao, các chi phí trả trước phân bổ nhiều kỳ, lãi vay dài hạn do sản lượng dưới công suất thiết kế, đặc biệt là khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi.
Các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản thì liên tục gặp khó do khó khăn chung của thị trường bất động sản khiến tiến độ triển khai dự án bị ngưng trệ, kéo dài thời gian thu hồi các khoản đầu tư này. Mặc dù công ty đã liên tục trao đổi, yêu cầu đối tác đẩy nhanh tiến độ nhưng những khó khăn về cơ chế, sự đóng băng tạm thời của thị trường BĐS khiến những nỗ lực rút ngắn thời gian gặp nhiều khó khăn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Duy trì và mở rộng tệp khách hàng trong nước
- Hoàn thiện và nâng cao công nghệ sản xuất sợi màu tái sinh không cần qua tẩy nhuộm.
- Bước đầu mở rộng thị trường Ấn Độ trong việc phát triển kinh doanh sợi màu thông qua việc từng bước hoàn thiện thủ tục đăng ký BIS, hiện tại việc đăng ký đã đi đến những thủ tục cuối cùng, khi hoàn thành kỳ vọng sẽ tạo tiền đề để các mặt hàng của công ty có nhiều cơ hội để phát triển tại thị trường này hơn trong thời gian tới.
- Số hóa gần như toàn bộ công việc thông qua ứng dụng Base.vn giúp tiết giảm thời gian, nhân lực cũng như thích ứng kịp thời trong thời kỳ chuyển đổi số.
-

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

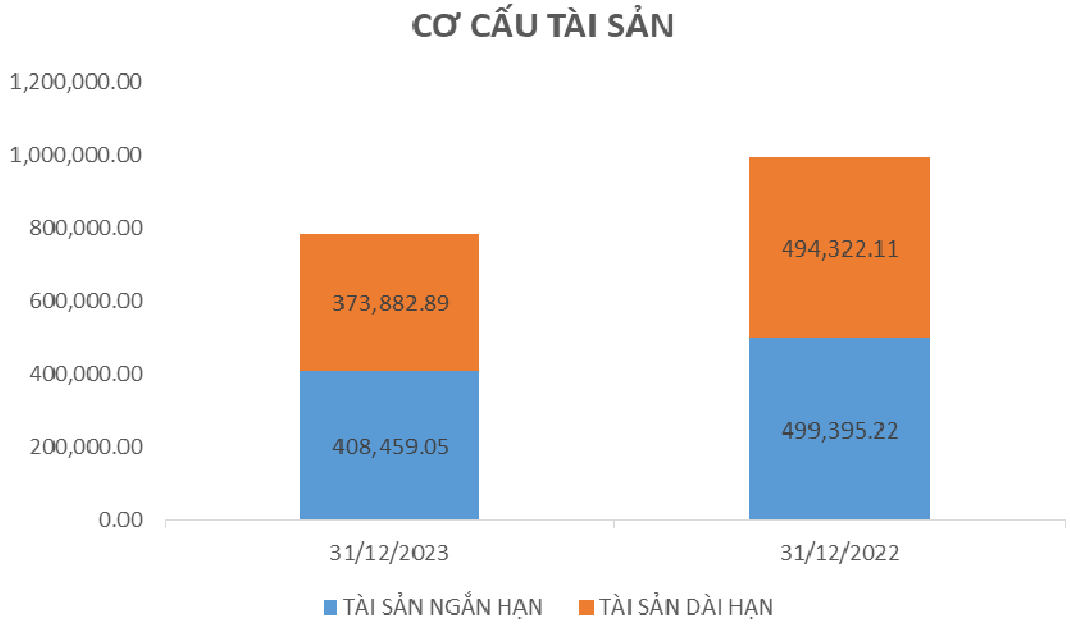

Bảng cơ cấu tài sản của doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2022	Biến động 2023 so với 2022 (%)
1	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**408,459.05**	**499,395.22**	**-18%**
1.1	Tiền và tương đương tiền	1,086.98	2,853.31	-62%
1.2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,500.00		
1.3	Các khoản phải thu	277,790.83	407,345.87	-32%
1.5	Hàng tồn kho, ròng	124,060.09	85,638.74	45%
1.6	Tài sản ngắn hạn khác	4,021.15	3,557.30	13%
2	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**373,882.89**	**494,322.11**	**-24%**
2.1	Phải thu dài hạn	68,142.79	112,904.16	-40%
2.2	Tài sản cố định	238,697.98	312,949.15	-24%
2.3	Tài sản dở dang dài hạn	64,048.71	64,509.41	-1%
2.4	Đầu tư tài chính dài hạn		240	
2.5	Tài sản dài hạn khác	2,993.42	3,719.39	-20%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**782,341.94**	**993,717.33**	**-21%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 20

Cơ cấu Nguồn vốn Doanh nghiệp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2022	Biến động 2023 so với 2022 (%)
1	**Nợ ngắn hạn**	**1,461,066.61**	**1,290,027.80**	**13%**
	Phải trả cho người bán ngắn hạn	48,703.90	54,308.49	-10%
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10,421.15	2,788.81	274%
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	28.23	135.26	-79%
	Phải trả người lao động	6,103.12	2,792.58	119%
	Chi phí phải trả ngắn hạn	595,021.03	478,565.23	24%
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	236.64	0.00	
	Phải trả ngắn hạn khác	20,940.21	21,402.86	-2%
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	779,489.19	729,911.43	7%
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	123.15	123.15	0%
2	**Nợ dài hạn**	**28,227.05**	**88,227.05**	**-68%**
	Chi phí phải trả dài hạn	20,522.52	32,522.52	-37%
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7,704.53	55,704.53	-86%
3	**Vốn chủ sở hữu**	**-706,951.71**	**-384,537.51**	**84%**
	Vốn góp của chủ sở hữu	500,000.00	500,000.00	0%
	Quỹ đầu tư phát triển	9,142.93	9,142.93	0%
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-1,216,094.64	-893,680.44	36%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**782,341.94**	**993,717.33**	**-21%**

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ
CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2023, công ty tiếp tục dần tinh gọn bộ máy quản lý điều hành để phù hợp hơn với tình hình sản xuất kinh doanh. Áp dụng số hóa nhiều hơn trong công tác quản lý, số hóa sâu vào phòng ban khối văn phòng cũng như vào từng ca khối sản xuất giúp việc điều hành được nhanh chóng, kịp thời hơn.

Trong sản xuất công ty tập trung vào việc giảm chi phí như tiền điện, quản lý tốt tiêu hao nguyên liệu, thúc đẩy năng suất lao động cá nhân, tập thể. Tập trung hơn vào công tác quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm, coi đây là một trong những nhiệm vụ tiên quyết trong mục tiêu hoạt động của công ty.

Công ty chú trọng tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, coi đây là công cụ quản lý quan trọng và bền vững.

Hoàn thiện những hạn chế của việc chuyển đổi mô hình sản xuất từ 3 ca sang mô hình sản xuất 12 tiếng vừa giúp tăng thu nhập cho NLĐ, từ đó hỗ trợ công tác tuyển dụng và giữ chân lao động, giúp tiết giảm chi phí nhân công có tính chất cố định/đvsp

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra một số giải pháp cho năm 2024 như sau:

Giải pháp và định hướng về sản xuất

Dựa trên tình hình thực tế, công ty sẽ phát huy nguồn lực hiện có, kết hợp với các nguồn lực bên ngoài cụ thể là công ty sẽ tiếp tục giải pháp kết hợp giữa việc gia công và tự doanh, mục tiêu đầu tiên là đảm bảo duy trì trạng thái tốt nhất của máy móc thiết bị, thu khấu hao tái đầu tư sản xuất chờ giai đoạn thị trường phục hồi ổn định sẽ dần hạ tỷ trọng gia công và tăng tỷ trọng tự doanh để nâng cao hiệu quả SXKD.

- Nhà máy 1: Tự doanh toàn phần và sản xuất 100% sợi PE nguyên sinh, tiếp tục mở rộng thị trường trong nước kết hợp với xuất khẩu.
- Nhà máy 2: Kết hợp tự doanh và gia công. Sản xuất song song hai loại mặt hàng là sợi 100% PE màu tái sinh không qua tẩy nhuộm và sợi 100% PE nguyên sinh.
- Nhà máy 5: Sản xuất sợi cotton trên phương thức gia công

Sản xuất các mặt hàng mà thị trường cần, tiếp tục duy trì việc đa dạng hóa các mặt hàng sợi với các dải chi số đa dạng bao gồm : sợi 100% cotton, sợi 100% Polyester nguyên sinh và đặc biệt là sợi 100% Polyester tái sinh thân thiện với môi trường.

Mở rộng thị trường tiêu thụ ngoài Trung Quốc như Ấn Độ, Hàn Quốc, Thái Lan….trước mắt là đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục mở BIS tại Ấn Độ tạo tiền đề để các mặt hàng của công ty, đặc biệt là sợi màu tái sinh có nhiều cơ hội để phát triển tại thị trường này hơn trong thời gian tới. Hiện tại thị trường Ấn Độ được xác định là thị trường chiến lược ngoài Trung Quốc của công ty.

Tăng cường tái đầu tư, bảo dưỡng máy móc thiết bị, thay thế các thiết bị, công cụ sản xuất nhằm đảm bảo sản lượng cũng như chất lượng các sản phẩm trên tiêu chí tiết kiệm, hiệu quả, tận dụng những gì hiện có.

Giải pháp công tác thị trường:

Công ty đánh giá tầm quan trọng của việc chuyển dần từ trọng tâm phát triển nhanh sang trọng tâm phát triển bền vững, kinh doanh tuần hoàn. Xu hướng thời trang xanh, giảm thời trang nhanh do nhận thức của người tiêu dùng liên quan tới vấn đề bảo vệ môi trường ngày càng cao vì vậy cần phát triển các sản phẩm có nguồn nguyên liệu xanh, tái chế, tăng dần tỷ trọng sợi tái chế trong sản phẩm vải cũng như sợi hữu cơ đối với các sản phẩm mới. Đây chính là thách thức nhưng cũng là hướng đột phá và bắt buộc đối với ngành dệt may nói chung và ngành sợi nói riêng.

Với việc đầu tư suốt 3 năm qua để chuyển đổi dây chuyền sản xuất, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, quy trình pha phối, sản xuất sợi màu tái sinh, coi đây là sản phẩm chiến lược của công ty trong thời gian tới, công ty sẽ tăng cường công tác nhận diện sản phẩm bằng việc thực hiện các giải pháp marketing hiệu quả, riêng biệt. Mang sản phẩm tới gần hơn các đối tác trong và ngoài nước thông qua việc đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các triển lãm, hội nghị xúc tiến thương mại.

Duy trì, nâng cao ổn định chất lượng các loại sợi. Chuyển đổi số công tác bán hàng để đẩy mạnh bán hàng trong nước, đặc biệt là khu vực phía Nam kết hợp đa dạng, linh động phương thức và điều kiện thanh toán nhằm thúc đẩy bán hàng. Tăng cường công tác bán hàng các thị trường ngách như tại các làng nghề mặc dù đơn hàng có thể nhỏ nhưng ổn định.

Giải pháp về tài chính

Làm việc với ngân hàng để cơ cấu lại thời gian trả nợ, hoàn tất cơ chế hỗ trợ xóa lãi phạt quá hạn tại ngân hàng VDB. Bổ sung vốn lưu động bằng cách hợp tác kinh doanh với các đối tác có tiềm lực tài chính, tìm kiếm thêm các đối tác từ nước ngoài như Trung Quốc, Ấn Độ.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

- Trong năm 2023 tổng số thuế GTGT công ty đã phát sinh bù trừ là 13.7 tỷ đồng; số thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu đã thực nộp bằng tiền là 8.1 tỷ đồng, tiền thuê đất đã nộp 209 triệu đồng, thuế TNCN phát sinh đã nộp 147 triệu đồng. Tính tới kỳ quyết toán thuế năm 2023 công ty không phát sinh nợ thuế. Công ty đã và đang liên tục tuyển dụng thêm lao động và tất cả các hoạt động SXKD của công ty vẫn hoạt động bình thường. Trong năm 2023 công ty đã mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu, thúc đẩy mạnh về thị trường Ấn Độ, đồng thời tăng cường xây dựng thương hiệu trong nước cũng như ngoài nước, nâng cao và ổn định chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm của công ty đang ngày càng đa dạng Sợi PE nguyên sinh, sợi PE tái sinh không qua tẩy nhuộm, sơi cotton truyền thống. Tệp khách hàng trong và ngoài nước liên tục được mở rộng.
- Các khoản phải thu và khoản hợp tác kinh doanh một phần cũng do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế cũng như của thị trường bất động sản nói riêng.Do vậy hoạt động SXKD của công ty vẫn hoạt động bình thường.
- Tất cả các khoản vay của công ty đều có tài sản đảm bảo. Việc gia hạn, cơ cấu thời gian trả nợ không đơn giản và có thể thực hiện trong thời gian ngắn được nhưng công ty vẫn đang kiên trì và tích cực phối hợp với các ngân hàng. Dự kiến trong nửa đầu năm 2024 ngân hàng VDB sẽ hoàn thiện thủ tục, hồ sơ để xóa lãi quá hạn phát sinh.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty**
2. **Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**
3. **Các kế hoạch định hướng của HĐQT năm 2023**

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT
VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trước bối cảnh khó khăn của thị trường ngành dệt may trong năm 2023 Công ty đã nỗ lực thúc đẩy bán hàng, chủ động tìm kiếm, khai thác thị trường trong nước và quốc tế. Tuy nhiên với hàng loạt khó khăn từ thị trường đã khiến tổng doanh thu thuần của Công ty năm 2023 chỉ đạt 174,9 tỷ đồng, giảm 7.65% so với năm 2022, lợi nhuận sau thuế mặc dù vẫn còn âm do trích lập các khoản dự phòng nhưng so với năm 2022 thì lợi nhuận tăng 31.8% (từ âm 473 tỷ xuống còn âm 322.4 tỷ)

Công tác quản trị công ty:

HĐQT luôn chỉ đạo các bộ phận thực hiện theo Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế hoạt động của HĐQT và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Công tác quản lý, giám sát tài chính:

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành. Hiện tại công ty còn tồn tại những khoản công nợ khó đòi đã đưa vào trích lập dự phòng. Tuy nhiên các khoản cho vay và các khoản hợp tác đầu tư vẫn nằm trong diện kiểm soát. Các đơn vị nhận khoản vay của Fortex vẫn đang hoạt động sản xuất bình thường và cam kết trả đủ gốc và lãi vay cho Công ty. Các khoản hợp tác đầu tư là các dự án bất động sản có tiềm năng và khả năng thu lợi nhuận trong tương lai.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2023 đánh dấu một giai đoạn khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam sau đại dịch Covid-19, dưới tác động của lạm phát, chiến tranh, giá năng lượng, biến đổi khí hậu. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Giám đốc với những chỉ đạo kịp thời, sát sao, ứng phó hợp lý với những khó khăn của thị trường cố gắng duy trì sản xuất cả 3 nhà máy, đảm bảo hoạt động của Công ty trong khi vẫn đảm bảo các yêu cầu về quản trị rủi ro, nhất quán với đường lối chiến lược đề ra cụ thể như sau:

- Ban Tổng giám đốc luôn kịp thời tiếp thu, triển khai kịp thời các Nghị Quyết Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Công tác quản trị tài chính được thực hiện minh bạch, nghiêm túc và kịp thời. Ban Tổng giám đốc tiến hành đôn đốc, tích cực thu hồi các khoản nợ khó đòi.
- Thực hiện chính sách bán hàng linh động, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường giúp duy trì doanh số bán hàng, giảm hàng tồn kho, luân chuyển dòng tiền tài chính.
- Về mục tiêu môi trường: Ban điều hành tiếp tục đưa vào sản xuất dòng sản phẩm sợi tái sinh mầu không qua tẩy nhuộm thân thiện môi trường đồng thời nỗ lực thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng sản xuất đồng thời giảm mức tác động đến môi trường xung quanh, thông qua việc cắt giảm tiêu thụ năng lượng, nước, giảm lượng khí thải và quản lý tốt chất lượng rác thải, nước thải.
- Các thành viên trong Ban điều hành đã làm tốt vai trò, trách nhiệm của mình trong việc dẫn dắt, điều phối các bộ phận chuyên môn cùng hướng tới mục tiêu và lợi ích cao nhất của Công ty, nhờ đó giữ vững niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng và các bên liên quan.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2024

Năm 2024 tình hình kinh tế thế giới vẫn biến động do ảnh hưởng các thách thức:

- An ninh năng lượng và an ninh lương thực tiếp tục là mối quan tâm hiện hữu hàng đầu của các quốc gia. Vấn đề này đang thúc đẩy nhiều nước gia tăng sản xuất nội địa để hạn chế rủi ro của an ninh lương thực, tác động trực tiếp đến nhu cầu nhập khẩu trong tương lai.
- Gía cả, lạm phát, lãi suất toàn cầu giảm nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro tài chính – tiền tệ còn hiện hữu khiến tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu mong manh hơn- tác động tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam trong đó có ngành dệt may.
- Xung đột Nga- Ukraina và gần đây giao tranh Trung Đông làm xáo trộn thương mại toàn cầu.
- Bất ổn ở Biển Đỏ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chuỗi cung ứng toàn cầu. Gía cước vận tải tăng mạnh, bảo hiểm hàng hóa tăng.
- Những bất cập liên quan đến cơ chế, thủ tục hành chính cũng là một trong những rào cản , trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp.

Trước một loại các khó khăn , thách thức từ tình hình kinh tế thế giới nói chung và ngành dệt may nói riêng. Căn cứ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty và diễn biến thực tế trên thị trường, Hội đồng quản trị đã thảo luận và đưa ra kế hoạch hoạt động như sau:

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp kinh doanh nhằm hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2024 được giao.
- Thường xuyên cập nhật tình hình thị trường, theo dõi các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty từ đó tim kiếm các giải pháp thực tế, cập nhật điều chỉnh các mục tiêu kinh doanh cụ thể để hoàn thành các kế hoạch theo từng năm trong mục tiêu dài hạn 5 năm của nhiệm kỳ HĐQT 2021-2026 đồng thời chú trọng kiểm soát chất lượng sản phẩm và xây dựng quảng bá thương hiệu, hướng đến số hóa trong quản lý sản xuất, quản lý doanh nghiệp để tăng tính cạnh tranh.
- Tăng cường đôn đốc, giám sát để đưa các nhà máy vận hành 100% công suất trở lại trong năm 2024.
- Chỉ đạo, theo dõi tình hình thu hồi các khoản công nợ của Công ty, đảm bảo cân dối dòng tiền đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty.
- Để tăng tính hiệu quả của các hoạt động phát triển bền vững, Công ty sẽ nắm bắt xu

hướng, tìm hiểu thông lệ và các chiến lược hành động của ngành thông qua việc tham gia các hiệp hội ngành, các nhóm sáng kiến hành động trong nước và quốc tế, và tìm kiếm các gói hỗ trợ tài chính phù hợp.

- Thúc đẩy các hoạt động quan hệ Nhà đầu tư và Công bố thông tin, đảm bảo tính minh bạch, công bằng.
- Xây dựng lộ trình nâng cao năng lực quản trị cho Người phụ trách quản trị Công ty và các thành viên Hội đồng quản trị, thông qua việc kết hợp đào tạo nội bộ và tham gia các khóa đào tạo bên ngoài về quản trị Công ty.
- Tăng cường chia sẻ thông tin, khuyến khích các thành viên Hội đồng quản trị độc lập có những đánh giá, phân tích chuyên sâu các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cung cấp những đề xuất có tính thực tiễn và khả thi trong chương trình nghị sự để Hội đồng quản trị thảo luận và quyết định.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ Quốc tế tốt nhất để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn.
- Tìm nguồn nguyên liệu, mặt hàng phù hợp với tình hình sản xuất ,kinh doanh của Công ty. Tiến hành đầu tư, chuyển đổi sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm nhằm giảm sự phụ thuộc lớn vào thị trường Trung Quốc.

QUẢN TRỊ CÔNG TY – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**
2. **Sơ yếu lý lịch**
3. **Hoạt động của Hội đồng quản trị**
4. **Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**
5. **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc**

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bảng 11: Thành viên HĐQT Fortex ngày 31/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	5.100.000	10,2%
2.	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	0	0%
3.	Đỗ Văn Sinh	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	0	0%
4.	Trần Xuân Tiến	Thành viên HĐQT/Phó Tổng giám đốc.	0	0%
5.	Đào Thị Huệ	Thành viên HĐQT	0	0%

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT – ÔNG LÊ MẠNH THƯỜNG

Năm sinh	: 1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thái Thụy , Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: -Tổng giám đốc Công ty Vinaland.

Quá trình công tác:

2006 – 2013: Chủ tịch HĐQT CTCP Vinaland

2006 – 2016: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Phú Việt

2013 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG ĐỖ VĂN SINH

Năm sinh	: 1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Thái Thụy, Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không có

Quá trình công tác:

2004 - 2012: Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tập đoàn Đại Cường

2013 - 2016: Phó Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

2017 - 2018: Trợ lý TGĐ , Phó Giám Đốc Ki CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản miền trung

12/2018 - 4/2019: Giám đốc kinh doanh CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

4/2019 - Nay: Tổng Giám Đốc CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG NGUYỄN HOÀNG GIANG

Năm sinh	: 1980
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Kim Bảng, Hà Nam
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: TV HĐQT tại công ty cổ phần Fideco Trưởng BKS CTCP Xuất nhập khẩu Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình công tác:

10/2002 - 6/2007: Trưởng bộ phận chế độ tài chính kế toán tổng hợp - phòng tài chính kế toán

- Bưu điện Hà Nội

7/2007 - 2/2010: Phó phòng tư vấn CTCP Chứng khoán Bảo Việt

2/2008 - 4/2010: TV Ban kiểm soát CTCP Khoáng sản Bắc Kạn

3/2010 - 2/2012: PGĐ chi nhánh Hà Nội, PGĐ Ngân hàng đầu tư, GĐ khối tư vấn TCDN, CTCP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn thương tín

4/2010 - 6/2012: TV HĐQT CTCP Thép Đình Vũ

3/2012 - 1/2013: Giám đốc tư vấn CTCP Bamboo Capital

3/2012 - 4/2013: TV Ban kiểm soát CTCP bảo hiểm AAA

02/2013 - 6/2013: Trưởng phòng tư vấn CTCP chứng khoán quốc gia

6/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Fideco

10/2015 – 03/2017: TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP XNK Thủy Sản Miền Trung.

8/2015 – 5/2020: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Trường Thành

08/2018 – 09/2020: Phó TGĐ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia

05/2016 – 04/2021: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Dược Danapha.

9/2015 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

06/2020 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần XNK Y tế TPHCM

Thành viên HĐQT – BÀ ĐÀO THỊ HUỆ

Năm sinh	: 1985
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Hưng Hà, Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư tự động hóa
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

Quá trình công tác:

2011 – 2012 : Nhân viên phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2012 – 2015 : Phó phòng Kế hoạch – XNK Công ty CP Tập đoàn Đại Cường

2016 – 2018 : Phó phòng Hành chính Nhân sự Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

09/2017 – 09/2018 : Thư ký HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

04/2019 – 04/2020 : Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

2019 – Nay : Giám đốc mua hàng Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Thành viên HĐQT - ÔNG TRẦN XUÂN TIẾN

Năm sinh	: 1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Quê quán	: Vũ Thư, Thái Bình
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư công nghiệp, Cử nhân Quản trị kinh doanh
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Không

Quá trình công tác:

08/2010 – 11/2019: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

11/2019 – Nay: Phó tổng giám đốc phụ trách sản xuất Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đức Quân

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thông tin về hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2023:

Bảng 12: Thông tin về thành viên của HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**6/6**	**100%**	
2	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên độc lập HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**6/6**	**100%**	
3	Đỗ Văn Sinh	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**6/6**	**100%**	
4	Trần Xuân Tiến	TV HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**6/6**	**100%**	
5	Đào Thị Huệ	TV HĐQT không điều hành	Bổ nhiệm ngày 27/06/2021	**6/6**	**100%**	

Trong năm 2023, HĐQT đã thông qua 6 nghị quyết:

Bảng 13: Các nghị quyết HĐQT

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	16/2023/NQ-FTM-HĐQT	29/03/2023	Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán
2	17/2023/NQ-FTM-HĐQT	29/03/2023	Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
3	37/2023/NQ-FTM-HĐQT	10/05/2023	Thống nhất thời gian chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự đại hội,

			thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
4	55/2023/NQ-FTM-HĐQT	25/06/2023	Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 lần thứ 2.
5	68/2023/NQ-FTM-HĐQT	01/08/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính soát xét bán niên và báo cáo tài chính năm 2023.
6	76/2023/NQ-FTM-HĐQT	14/08/2023	Thông qua báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISC.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày 25/06/2020, Hội đồng quản trị ra Quyết định thành lập tiểu ban kiểm toán nội bộ (Ủy ban kiểm toán). Sau thời gian thành lập, Ủy ban kiểm toán nội bộ hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đã đề ra.

Bảng 14: Thông tin về thành viên Uỷ ban kiểm toán năm 2023:

STT	Thành viên UBKT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV Uỷ ban kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hoàng Giang	TV HĐQT độc lập	05/07/2021	Tiến sỹ kinh tế
2	Bà Đào Thị Huệ	TV HĐQT	05/07/2021	Kỹ sư điện tự động hóa

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Những thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành đã tích cực tham gia quản trị công ty nói chung cũng như Ban Tổng Giám đốc nói riêng; đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là để kiện toàn công tác quản trị công ty; đồng thời hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Giám sát hoạt động quản trị và điều hành của HĐQT, Ban điều hành
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết HĐQT
- Giám sát tình hình tài chính công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT hàng quý và theo yêu cầu, đóng góp ý kiến độc lập, khách quan để cùng HĐQT thảo luận, đánh giá và hỗ trợ đưa ra những quy định tối ưu.

Trong năm 2023, Ủy ban kiểm toán có 2 cuộc họp:

Bảng 15: Các cuộc họp Ủy ban kiểm toán năm 2023

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Hoàng Giang	2	100%	100%
2	Đào Thị Huệ	2	100%	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Lương, thưởng, thù lao

Theo Khoản 3 Điều 163 Luật Doanh Nghiệp 2020, thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, đã được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. Tổng lương, thưởng, thù lao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc công ty năm 2023 là 1.166.921.745 VNĐ.

stt	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	THU NHẬP NĂM 2023	
			Hưởng Lương	Hưởng thù lao
I	**HỘI ĐỒNG QUẢN TRI**		**-**	**360.000.000**
1		Lê Mạnh Thường - Chủ tịch		96.000.000
2		Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc		60.000.000
3		Nguyễn Hoàng Giang -Thành viên		60.000.000
4		Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc		60.000.000
5		Đào Thị Huệ- Thành viên		60.000.000
6		Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT		24.000.000
II	**ỦY BAN KIỂM TOÁN**		**-**	**60.000.000**
1		Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban		36.000.000
2		Đào Thị Huệ- Thành viên		24.000.000
III	**BAN ĐIỀU HÀNH**		**746.921.745**	**-**
1		Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	296.703.297	
2		Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	237.254.808	
4		Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	212.936.640	
	TỔNG CỘNG		**746.921.745**	**420.000.000**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đức Quân luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo các quy định của Pháp luật và nội bộ về Quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thực tiễn tốt nhất về Quản trị Công ty để áp dụng đối với Doanh nghiệp mình.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được Kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 1000400095 ngày 30/10/2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 01/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;…

Trụ sở chính: Lô A3,KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông:	Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông:	Đỗ Văn Sinh	Thành viên
Ông:	Trần Xuân Tiến	Thành viên
Bà:	Đào Thị Huệ	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán nội bộ

Ông:	Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng ban
Bà:	Đào Thị Huệ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông:	Đỗ Văn Sinh	Tổng Giám đốc
Ông:	Trần Xuân Tiến	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là ông Đỗ Văn Sinh.

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc
Thái Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Số: /AISC-DN…..

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỨC QUÂN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được lập ngày 06 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Giả định hoạt động liên tục**:**

Tại ngày 31/12/2023 Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục mặc dù tổng số nợ phải trả của Công ty vượt quá tổng tài sản 606.907.361.817 đồng và phát sinh khoản lỗ trên Báo cáo tài chính là: 322.506.795.183 đồng.

- Ngoài ra, Các khoản vay Ngân hàng quá hạn thanh toán số tiền: 712.607.398.477 đồng tại thuyết minh số V.17 và Lãi vay ngân hàng quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ số tiền: 499.831.256.531 đồng tại thuyết minh số V.15

Do đó, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá sự phù hợp của giả định hoạt động liên tục được áp dụng trong việc trình bày báo cáo này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thực hiện các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính, trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động liên tục.

- Tại thời điểm 31/12/2023 Công ty có khoản ứng trước cho Công ty CP Đầu tư 3GR mua bông số tiền 72.219.248.110 đồng (tại 01/01/2023 là 72.219.248.110 đồng). Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ ứng trước trên. Vì vậy chúng tôi cũng không thể đánh giá khả năng tổn thất có thể xảy ra và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2023 Công ty đang có các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo số tiền 68.142.787.218 đồng (tại 01/01/2023 là 112.939.846.388 đồng) (chi tiết tại Thuyết minh V.5).

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty Kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính năm 2022 tại ngày 28/3/2023.

Phạm Xuân Sơn
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHNKT: 1450-2023-005-1

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thanh Tùng
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHNKT: 4981-2019-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 *VNĐ*

		TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A.		**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**408,459,052,837**	**499,395,220,253**
I.		**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1**	**1,086,976,013**	**2,853,313,057**
	1.	Tiền	111		1,086,976,013	2,853,313,057
II.		**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**V.2**	**1,500,000,000**	**-**
	1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1,500,000,000	-
III.		**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**277,790,833,226**	**407,345,869,176**
	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	393,995,482,753	402,292,492,477
	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	220,164,315,048	219,237,963,509
	3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	35,687,120
	4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	54,940,365,531	55,034,082,917
	5.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(391,309,330,106)	(269,254,356,847)
IV.		**Hàng tồn kho**	**140**	**V.8**	**124,060,094,021**	**85,638,736,625**
	1.	Hàng tồn kho	141		124,060,094,021	85,638,736,625
V.		**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**4,021,149,577**	**3,557,301,395**
	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1,933,013,156	2,528,440,682
	2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,088,136,421	1,028,860,713
B.		**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**373,882,890,952**	**494,322,111,277**
I.		**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**68,142,787,218**	**112,904,159,268**
	1.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	68,142,787,218	112,904,159,268
II.		**Tài sản cố định**	**220**		**238,697,976,109**	**312,949,151,021**
	1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	235,939,207,446	309,270,792,814
		- Nguyên giá	*222*		*1,011,820,943,742*	*1,011,586,943,742*
		- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(775,881,736,296)*	*(702,316,150,928)*
	2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,758,768,663	3,678,358,207
		- Nguyên giá	*228*		*7,944,995,383*	*7,944,995,383*
		- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(5,186,226,720)*	*(4,266,637,176)*
III.		**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**64,048,708,230**	**64,509,408,230**

	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242		V.11		64,048,708,230		64,509,408,230
IV.		**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**		**250**		**V.2**		**-**		**240,000,000**
	1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255				-		240,000,000
V.		**Tài sản dài hạn khác**		**260**				**2,993,419,395**		**3,719,392,758**
	1.	Chi phí trả trước dài hạn		261		V.12		2,993,419,395		3,719,392,758
		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		**270**				**782,341,943,789**		**993,717,331,530**
		NGUỒN VỐN		**Mãsố**		**Thuyết minh**		**31/12/2023**		**01/01/2023**
C.		**NỢ PHẢI TRẢ**		**300**				**1,489,293,653,587**		**1,378,254,842,415**
I.		**Nợ ngắn hạn**		**310**				**1,461,066,606,664**		**1,290,027,795,492**
	1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn		311		V.13		48,703,902,903		54,308,487,622
	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		V.13		10,421,147,588		2,788,805,300
	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313		V.14		28,226,884		135,257,075
	4.	Phải trả người lao động		314				6,103,120,086		2,792,581,370
	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn		315		V.15		595,021,029,732		478,565,230,751
	6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		V.16		236,636,363		-
	7.	Phải trả ngắn hạn khác		319		V.17		20,940,206,411		21,402,858,785
	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320		V.18		779,489,190,409		729,911,428,301
	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322				123,146,288		123,146,288
II.		**Nợ dài hạn**		**330**				**28,227,046,923**		**88,227,046,923**
	1.	Chi phí phải trả dài hạn		333		V.15		20,522,519,923		32,522,519,923
	2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		V.18		7,704,527,000		55,704,527,000
D.		**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**400**				**(706,951,709,798)**		**(384,537,510,885)**
I.		**Vốn chủ sở hữu**		**410**		**V.19**		**(706,951,709,798)**		**(384,537,510,885)**
	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		411				500,000,000,000		500,000,000,000
		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		*411a*				*500,000,000,000*		*500,000,000,000*
	2.	Quỹ đầu tư phát triển		418				9,142,927,632		9,142,927,632
	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421				(1,216,094,637,430)		(893,680,438,517)
		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		*421a*				*(893,680,438,517)*		*(420,628,733,938)*
		- LNST chưa phân phối kỳ này		*421b*				*(322,414,198,913)*		*(473,051,704,579)*
		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		**440**				**782,341,943,789**		**993,717,331,530**

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
	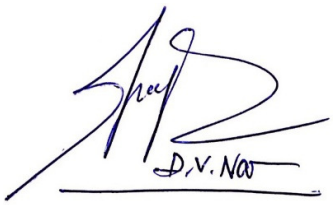	
Trần Thị Quý	**Đào Văn Nam**	**Đỗ Văn Sinh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Thái Bình, Việt Nam		
Ngày 26 tháng 03 năm 2024		

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	174,982,045,193	189,479,727,437
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	332,696,789
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	174,982,045,193	189,147,030,648
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	172,369,775,005	178,179,406,829
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**2,612,270,188**	**10,967,623,819**
	(20 = 10 -11)				
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	435,928,356	4,441,652,875
7.	Chi phí tài chính	22	VI.6	110,637,807,478	107,223,142,993
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*103,461,156,074*	*97,553,578,299*
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	1,632,159,079	2,058,743,520
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	138,941,794,634	288,532,162,224
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**(248,163,562,647)**	**(382,404,772,043)**
	(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))				
11.	Thu nhập khác	31	VI.8	5,808,459,516	2,812,858,923
12.	Chi phí khác	32	VI.9	80,059,095,782	93,459,791,459
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**(74,250,636,266)**	**(90,646,932,536)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**(322,414,198,913)**	**(473,051,704,579)**
	(50 = 30 + 40)				
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**(322,414,198,913)**	**(473,051,704,579)**
	(60 = 50 - 51 -52)				
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.12**	**(2,419)**	**(9,461)**

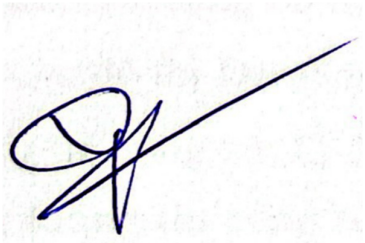

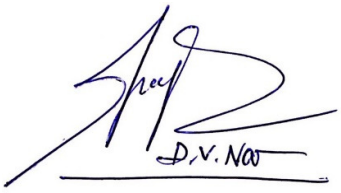

Trần Thị Quý	**Đào Văn Nam**	**Đỗ Văn Sinh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thái Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Mẫu số B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	**Lợi nhuận trước thuế**	01		**(322,414,198,913)**	**(473,051,704,579)**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản :**				
	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		74,485,174,912	78,990,678,444
	- Các khoản dự phòng	03		122,054,973,259	269,254,356,847
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		4,628,600,697	(4,409,581,778)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26,536,307)	32,071,097
	- Chi phí lãi vay	06		103,461,156,074	97,553,578,299
3.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**(17,810,830,278)**	**(31,630,601,670)**
	- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		6,405,099,863	51,686,336,250
	- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(38,421,357,396)	(27,702,566,188)
	- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		5,485,950,083	90,867,932,752
	- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		1,321,400,889	13,287,131,638
	- Tiền lãi vay đã trả	14		974,642,907	(37,649,841)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	(101,794,203,166)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(42,045,093,932)**	**(5,323,620,225)**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(234,000,000)	-
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,500,000,000)	(41,761,010,500)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45,037,059,170	48,543,010,500
4.	Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26,536,307	32,071,097
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**43,329,595,477**	**6,814,071,097**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1.	Tiền thu từ đi vay	33		-	56,295,723,613
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,078,326,000)	(60,860,127,099)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(3,078,326,000)**	**(4,564,403,486)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	**50**		**(1,793,824,455)**	**(3,073,952,614)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**2,853,313,057**	**5,927,265,671**

	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61				27,487,411		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)		**70**		**V.1**		**1,086,976,013**		**2,853,313,057**

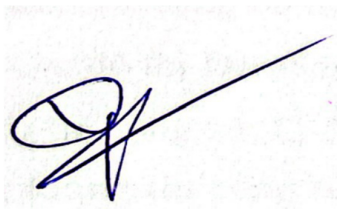

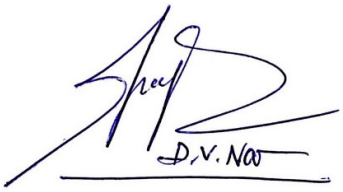

Trần Thị Quý
Người lập biểu
Thái Bình, Việt Nam
Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Đào Văn Nam
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Sinh
Tổng Giám đốc

Mẫu số B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 1000400095 ngày 30/10/2006 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 01/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Bình cấp.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh các loại sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Sản xuất hàng may sẵn trừ trang phục; May trang phục trừ trang phục từ da lông thú; Sản xuất sản phẩm từ da lông thú; Sản xuất trang phục dệt kim đan móc; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: bán buôn sợi); Xây dựng công trình dân dụng khác (Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;…

Trụ sở chính: Lô A3,KCN Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 493 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 574 nhân viên)

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng, giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mụ tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ dang được tập hợp theo từng loại sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc, sản phẩm còn dở dang cuối kỳ.

Giá xuất Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc
Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải, truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chí phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trên 12 tháng.

Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu do các thành viên góp vốn, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán..; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm,hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp) chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**		**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Tiền mặt		329,518,966	467,971,311
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		757,457,047	2,385,341,746
	Cộng		**1,086,976,013**	**2,853,313,057**
2.	**Các khoản đầu tư tài chính**			

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	**1,500,000,000**	**1,500,000,000**	**-**	**-**
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1,500,000,000	1,500,000,000	-	-
b2. Dài hạn	**-**	**-**	**240,000,000**	**240,000,000**
- Trái phiếu (**)	-	-	240,000,000	240,000,000
Cộng	**1,500,000,000**	**1,500,000,000**	**240,000,000**	**240,000,000**

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 2037040600000177 ngày 23/06/2023 của ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng. Thời hạn hợp đồng tiền gửi 12 tháng từ ngày 23/06/2023 đến ngày 23/06/2024. Lãi suất tiền gửi 7.55%/năm, kỳ tính lãi ngày 23/12/2023. Hợp đồng tiền gửi là tài sản đảm bảo làm thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng số 0018/23/PGDHĐa/HĐCBL/BL-HDB01 ngày 23/06/2023 với công ty Điện lực Thái Bình - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Bắc.

(**) Giấy chứng nhận Quyền sở hữu trái Phiếu phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mã BID2_18.06, số lượng 24 trái phiếu, tại ngày 19/12/2018; mệnh giá một trái phiếu 10.000.000 VND /trái phiếu; thời hạn trái phiếu 10 năm; hình thức phát hành ghi sổ; ngày phát hành 19/12/2018; ngày đáo hạn 19/12/2028; Lãi suất bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng tham chiếu tại ngày Xác định lãi suất +1%/năm; Phương thức trả lãi: trả sau; thời điểm trả lãi: định kỳ 1 năm một lần vào ngày thanh toán lãi trái phiếu; Địa điểm thanh toán gốc, lãi: Đại lý đăng ký lưu ký và thanh toán chuyển trả tiền gốc, lãi trái phiếu vào Tài khoản của người sở hữu trái phiếu đăng ký tại Sổ đăng ký hoặc thông qua hình thức hợp pháp khác theo thoả thuận với người sở hữu trái phiếu.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**393,995,482,753**	**(291,172,385,855)**	**402,292,492,477**	**(269,254,356,847)**
Công ty Cổ phần Tân An	134,225,113,612	(109,534,917,528)	134,225,113,612	(93,957,579,528)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Việt	138,920,055,754	(99,669,014,028)	138,920,055,754	(95,802,679,028)
Công ty TNHH XDTM Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101,730,497,200	(71,211,348,040)	101,730,497,200	(71,211,348,040)
Doanh nghiệp tư nhân Trịnh Chung	3,630,522,131	-	11,014,314,214	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10,767,329,593	(10,757,106,259)	10,767,329,593	(8,282,750,251)
Các khách hàng khác	4,721,964,463	-	5,635,182,104	-
Cộng	**393,995,482,753**	**(291,172,385,855)**	**402,292,492,477**	**(269,254,356,847)**
Phải thu các bên liên quan	*(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.1)*			
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	**10,767,329,593**	**(10,757,106,259)**	**10,767,329,593**	**(8,282,750,251)**

4. Trả trước cho người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	**220,164,315,048**	**-**	**219,237,963,509**	**-**
Tongkook international trading co., limited	138,716,007,074		138,716,007,074	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	72,219,248,110		72,219,248,110	
Các nhà cung cấp khác	9,229,059,864	-	8,302,708,325	-

	Cộng	**220,164,315,048**		**-**	**219,237,963,509**		**-**
	Trả trước cho người bán là các bên liên quan						
	Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	**72,219,248,110**		**-**	**72,219,248,110**		**-**

5.	**Phải thu về cho vay**	**31/12/2023**			**01/01/2023**		
		Giá trị		**Dự phòng**	**Giá trị**		**Dự phòng**
	a. Ngắn hạn	**-**		**-**	**35,687,120**		**-**
	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	-		-	35,687,120		-
	b.Dài hạn	**68,142,787,218**		**-**	**112,904,159,268**		**-**
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường (*)	67,999,787,218		-	100,960,534,268		-
	Công ty Cổ phần Bất động sản New City	-		-	11,800,625,000		-
	Đối tượng khác	143,000,000		-	143,000,000		-
	Cộng	**68,142,787,218**		**-**	**112,939,846,388**		**-**

(*) Bao gồm các hợp đồng cho vay:

(*) Khoản cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay theo hợp đồng số TC18.03.21HĐVT ngày 18/03/2021 với số tiền 70.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền, lãi suất vay 9%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo mục đích khoản vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 17/03/2022, Phụ lục Hợp đồng số 01/TC18032021/HĐVT/PL được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường thay đổi thời hạn vay là 60 tháng.

6.	**Phải thu khác**	**31/12/2023**			**01/01/2023**		
		Giá trị		**Dự phòng**	**Giá trị**		**Dự phòng**
	Ngắn hạn	**54,940,365,531**		**-**	**55,034,082,917**		**-**
	Lãi dự thu tiền gửi	3,276,970,543		-	3,281,942,387		-
	Tạm ứng	164,801,787		-	263,999,687		-
	Công ty Cổ phần Bất động sản New City (**)	50,000,000,000		-	50,000,000,000		-
	Phải thu khác	1,498,593,201		-	1,488,140,843		-
	Cộng	**54,940,365,531**		**-**	**55,034,082,917**		**-**

(**) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Bất động sản New City theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 06/2019 giữa Côn
ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Bất động sản New City (Công ty) k
ngày 05/06/2019 về Dự án đầu tư, xây dựng khu nhà ở phù hợp với quy chuẩn quy hoạch đô thị được ban hành t
Quyết định phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch Chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đô thị phía Nam thành phố Thái Bình
tỉnh Thái Bình số 3249/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 cho khu đất tọa lạc tại phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình
tỉnh Thái Bình có diện tích đất của toàn bộ dự án là 490.185,3 mét vuông để xây dựng nhà chia lô, công trình thươn
mại, công viên cây xanh, đất giao thông, đất kỹ thuật. Theo đó, Nhà đầu tư đồng ý góp vốn để phát triển dự án với s
tiền là 50.000.000.000 đồng, tiến hành góp vốn trước ngày 31/12/2019; Nhà đầu tư sẽ chuyển tiền góp vốn vào T
khoản Góp vốn; việc triển khai hợp đồng hợp tác đầu tư được thực hiện trong vòng 24 tháng kể từ ngày có hiệu lự
Hợp đồng. Sau khi dự án thực hiện thành công, Công ty có trách nhiệm bàn giao cho Nhà đầu tư được quyền kh
thác và sử dụng 15 Lô biệt thự với diện tích 6.000 m2 hoặc Công ty phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền góp vốn và m
khoản lãi với lãi suất 7%/năm tính trên tổng số tiền Nhà đầu tư đã thực góp cho thời hạn kể từ ngày Nhà đầu t
chuyển Khoản góp vào Tài khoản Góp vốn cho đến ngày Công ty hoàn trả đầy đủ.

7.	**Nợ xấu**	**31/12/2023**		**01/01/2023**	
		Giá gốc	**Giá trị có thể thu hồi**	**Giá gốc**	**Giá trị có thể thu hồi**

	Các khoản phải thu quá hạn thanh toán							
	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	101,730,497,200		-		101,730,497,200		30,519,149,160
	Công ty Cổ phần Tân An	134,225,113,612		-		134,225,113,612		40,267,534,084
	Công ty CP Đầu tư và phát triển Phú Việt	138,920,055,754		2,162,040,000.00		138,920,055,754		43,117,376,726
	Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	10,767,329,593				10,767,329,593		2,484,579,342
	Các khoản khác	7,828,373,947		-		-		-
		393,471,370,106		**2,162,040,000**		**385,642,996,159**		**116,388,639,312**
8.	**Hàng tồn kho**	**31/12/2023**				**01/01/2023**		
		Giá gốc		**Dự phòng**		**Giá gốc**		**Dự phòng**
	Nguyên liệu, vật liệu	68,686,445,911		-		50,035,846,796		-
	Công cụ, dụng cụ	784,791,574		-		1,656,367,581		-
	Chi phí SX, KD dở dang	631,853,017		-		712,687,676		-
	Thành phẩm	53,957,003,519		-		33,233,834,572		-
	Cộng	**124,060,094,021**		**-**		**85,638,736,625**		**-**

9.	**Tài sản cố định hữu hình**						
	Khoản mục	**Nhà cửa, vật kiến trúc**	**Máy móc thiết bị**	**Phương tiện vận tải**	**Thiết bị, dụng cụ quản lý**		**Tổng cộng**
	Nguyên giá						
	Số dư đầu năm	165,713,598,201	838,511,570,998	3,403,450,000	3,958,324,543		**1,011,586,943,742**
	Mua trong năm	-	*234,000,000*	-	-		**234,000,000**
	Số dư cuối năm	165,713,598,201	838,745,570,998	3,403,450,000	3,958,324,543		**1,011,820,943,742**
	Giá trị hao mòn lũy kế						
	Số dư đầu năm	70,129,563,932	628,690,128,798	1,434,144,508	2,062,313,690		**702,316,150,928**
	Khấu hao trong năm	8,509,831,605	64,267,179,363	311,091,492	477,482,908		**73,565,585,368**
	Số dư cuối năm	78,639,395,537	692,957,308,161	1,745,236,000	2,539,796,598		**775,881,736,296**
	Giá trị còn lại						
	Số dư đầu năm	95,584,034,269	209,821,442,200	1,969,305,492	1,896,010,853		**309,270,792,814**
	Số dư cuối năm	87,074,202,664	145,788,262,837	1,658,214,000	1,418,527,945		**235,939,207,446**

Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 379.956.699.423 đồng
Đến thời điểm 31/12/2023, tất cả các Tài sản cố định đã được dùng để thế chấp các khoản vay ngân hàng.

10.	**Tài sản cố định vô hình**							
	Khoản mục					**Phần mềm máy tính**		**Tổng cộng**
	Nguyên giá							
	Số dư đầu năm					7,944,995,383		**7,944,995,383**
	Số dư cuối năm					**7,944,995,383**		**7,944,995,383**
	Giá trị hao mòn lũy kế							
	Số dư đầu năm					4,266,637,176		**4,266,637,176**
	Khấu hao trong năm					*919,589,544*		*919,589,544*
	Số dư cuối năm					5,186,226,720		**5,186,226,720**
	Giá trị còn lại							
	Số dư đầu năm				-	3,678,358,207	-	3,678,358,207
	Số dư cuối năm				**-**	**2,758,768,663**	**-**	**2,758,768,663**

Nguyên giá của các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 588.279.000 VNĐ

11.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	Dự án nhà máy kéo sợi Đức Quân 6	64,048,708,230	64,048,708,230
	Sửa chữa lớn tài sản cố định		460,700,000
		64,048,708,230	**64,509,408,230**

12.	**Chi phí trả trước**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Chi phí trả trước ngắn hạn	**1,933,013,156**	**2,528,440,682**
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,737,504,604	1,281,265,894
	Chi phí mua bảo hiểm	-	1,065,508,987
	Các khoản khác	195,508,552	181,665,801
	Chi phí trả trước dài hạn	**2,993,419,395**	**3,719,392,758**
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,912,682,830	3,303,653,381
	Các khoản khác	1,080,736,565	415,739,377
	Cộng	**4,926,432,551**	**6,247,833,440**

13.	**Phải trả người bán**	**31/12/2023**		**01/01/2023**	
		Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
	Ngắn hạn	**48,703,902,903**	**48,703,902,903**	**54,308,487,622**	**54,308,487,622**
	Công ty TNHH Trịnh Trung L.A	20,870,601,784	20,870,601,784	27,241,984,249	27,241,984,249
	Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	19,180,435,650	19,180,435,650	19,180,435,650	19,180,435,650
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina	976,506,852	976,506,852	877,844,501	877,844,501

	Công ty TNHH Hoa Thắng	481,093,000	481,093,000	408,163,605	408,163,605
	Công ty TNHH TM và DV K-H Việt Nam	-	-	242,650,239	242,650,239
	Phải trả các đối tượng khác	7,195,265,617	7,195,265,617	6,357,409,378	6,357,409,378
	Cộng	**48,703,902,903**	**48,703,902,903**	**54,308,487,622**	**54,308,487,622**
Phải trả người bán là bên liên quan					
	Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	**19,180,435,650**	**19,180,435,650**	**19,180,435,650**	**19,180,435,650**
13.	**Người mua trả tiền trước**			**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Ngắn hạn			**10,421,147,588**	**2,788,805,300**
	Công ty TNHH Dệt may Hoàng Quân			-	3,848,215
	Công ty TNHH Đức Hiếu			7,647,622,928	846,162,438
	Các khách hàng khác			2,773,524,660	1,938,794,647
	Cộng			**10,421,147,588**	**2,788,805,300**

14.	**Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**				
		01/01/2023	**Số phải nộp trong năm**	**Số đã thực nộp trong năm**	**31/12/2023**
	a. Phải nộp				
	Thuế giá trị gia tăng	-	21,884,410,418	21,884,410,418	-
	Thuế xuất, nhập khẩu	-	837,226,232	837,226,232	-
	Thuế thu nhập cá nhân	135,257,075	40,544,279	147,574,470	28,226,884
	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	499,093,980	499,093,980	-
	Các loại thuế khác	-	6,309,369	6,309,369	-
	Cộng	**135,257,075**	**23,267,584,278**	**23,374,614,469**	**28,226,884**

15.	**Chi phí phải trả**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Ngắn hạn	**595,021,029,732**	**478,565,230,751**
	Chi phí lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Thái Bình (*)	418,669,558,230	343,411,421,155
	Chi phí lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)	176,252,698,733	135,075,036,827
	Các khoản khác	98,772,769	78,772,769
	b. Dài hạn	**20,522,519,923**	**32,522,519,923**
	Chi phí lãi vay NH phát triển VN - CN Thái Bình (*)	20,522,519,923	32,522,519,923
	Cộng	**615,543,549,655**	**511,087,750,674**

(*) Theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HDODA-NHPT ngày 31/12/2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HDTDDT-NHPT ngày 31/12/2014 với Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Thái Bình, Tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/11/2014 là 46.898.504.116 đồng. Số lãi vay này sẽ đươc thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến tháng 01 năm 2023. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.
Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 với Ngân hàng phát triển Việt Nam-Chi nhánh Thái Bình, tổng số lãi vay phát sinh nhưng chưa trả đến ngày 30/09/2014 là 82.522.519.923 đồng. Số lãi vay này sẽ được thanh toán theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng từ năm 2016 đến quý 1 năm 2025. Các khoản chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01 tháng 12 năm 2014 sẽ được trả hàng tháng.

Đến thời điểm 31/12/2023, lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 323.578.557.798 đồng.

(**) Đến thời điểm 31/12/2023, lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam quá hạn thanh toán chưa được gia hạn nợ là 176.252.698.733 đồng.

16.	**Doanh thu chưa thực hiện**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Ngắn hạn		
	Doanh thu nhận trước tiền cho thuê xưởng	236,636,363	-
	Cộng	**236,636,363**	**-**
17.	**Phải trả khác**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Ngắn hạn		
	Tài sản thừa chờ giải quyết		
	Kinh phí công đoàn	175,014,000	86,913,000
	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm TN	16,384,531,333	15,194,210,323
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,163,641,634	-
	Phải trả đối tượng khác	3,217,019,444	6,121,735,462
	Cộng	**20,940,206,411**	**21,402,858,785**

18. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Vay và nợ thuê tài chính													
	a.Vay ngắn hạn			**01/01/2023**				**Trong kỳ**				**31/12/2023**		
				Giá trị		**Số có khả năng trả nợ**		**Tăng**		**Giảm**		**Giá trị**		**Số có khả năng trả nợ**
	Vay bằng VND			**300,755,551,358**		**300,755,551,358**		**15,000,000**		**1,230,000,000**		**299,540,551,358**		**299,540,551,358**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)			*300,755,551,358*		*300,755,551,358*		*15,000,000*		*1,230,000,000*		*299,540,551,358*		*299,540,551,358*
	Vay bằng USD			**130,632,249,000**		**130,632,249,000**		**4,374,567,000**		**688,350,000**		**134,318,466,000**		**134,318,466,000**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (1)			*130,632,249,000*		*130,632,249,000*		*4,374,567,000*		*688,350,000*		*134,318,466,000*		*134,318,466,000*
	Cộng Vay dài hạn đến hạn trả (Trình bày thuyết minh vay dài hạn)			**298,523,627,943**		**298,523,627,943**		**48,777,952,550**		**1,671,407,442**		**345,630,173,051**		**345,630,173,051**
				729,911,428,301		**729,911,428,301**		**53,167,519,550**		**3,589,757,442**		**779,489,190,409**		**779,489,190,409**

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019/1497403/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2019. Hạn mức cho vay ngắn hạn và mở LC là 570 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn tối đa là 270 tỷ đồng. Hạn mức chiết khấu là 100 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời gian cấp hạn mức 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng không quá ngày 31/01/2020. Thời hạn cho vay, lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là tài sản máy móc thuộc dây chuyền sản xuất 1.740 tấn, kho vật liệu phụ, hợp đồng thế chấp quyền sở hữu căn hộ ngày 13/06/2016 ký giữa ông Lê Mạnh Thường, bà Bùi Thị Hằng và Ngân hàng, hợp đồng cầm cố số 01/2017/1497403/CC/HĐBĐ ngày 20/02/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng, máy ghép và máy xe kiện, máy chải thô, máy kiểm tra độ bền sợi, hệ thống server và phụ trợ …

Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01.3/2019/1497403/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2020 gia hạn hiệu lực mức tín dụng ngắn hạn năm 2019-2020 theo hợp đồng hạn mức tín dụng trên đến ngày 30/09/2020.

	b.Vay dài hạn		**01/01/2023**		**Trong kỳ**		**31/12/2023**	
			Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**	**Tăng**	**Giảm**	**Giá trị**	**Số có khả năng trả nợ**
	Vay dài hạn		**354,228,154,943**	**354,228,154,943**	**394,322,214**	**1,646,397,106**	**353,334,700,051**	**353,334,700,051**
	Các khoản vay dài hạn của công ty		**94,864,015,767**	**94,864,015,767**	**319,302,214**	**1,045,837,778**	**94,137,480,203**	**94,137,480,203**
	Vay bằng VND		***86,245,281,117***	***86,245,281,117***	***30,009,664***	***1,020,340,336***	***85,254,950,445***	***85,254,950,445***
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)		*57,345,751,685*	*57,345,751,685*		*260,000,000*	*57,085,751,685*	*57,085,751,685*
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (3)		*28,899,529,432*	*28,899,529,432*	*30,009,664*	*760,340,336*	*28,169,198,760*	*28,169,198,760*
	Vay bằng USD		***8,618,734,650***	***8,618,734,650***	***289,292,550***	***25,497,442***	***8,882,529,758***	***8,882,529,758***
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)		*8,618,734,650*	*8,618,734,650*	*289,292,550*	*25,497,442*	*8,882,529,758*	*8,882,529,758*
	Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường		**259,364,139,176**	**259,364,139,176**	**75,020,000**	**600,559,328**	**259,197,219,848**	**259,197,219,848**
	Vay bằng VND		***246,195,279,176***	***246,195,279,176***	***-***	***570,019,328***	***245,625,259,848***	***245,625,259,848***
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (4)		*238,395,279,176*	*238,395,279,176*		*545,019,328*	*237,850,259,848*	*237,850,259,848*

	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)		*7,800,000,000*		*7,800,000,000*			*25,000,000*		*7,775,000,000*		*7,775,000,000*
	Vay bằng USD		***13,168,860,000***		***13,168,860,000***		***75,020,000***	***30,540,000***		***13,571,960,000***		***13,571,960,000***
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)		*13,168,860,000*		*13,168,860,000*		*458,660,000*	*55,560,000*		*13,571,960,000*		*13,571,960,000*
	Trừ Nợ dài hạn đến hạn trả (Trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn)		**(298,523,627,943)**		**(298,523,627,943)**		**(48,777,952,550)**	**(1,671,407,442)**		**(345,630,173,051)**		**(345,630,173,051)**
	Cộng		**55,704,527,000**		**55,704,527,000**		**(48,383,630,336)**	**(25,010,336)**		**7,704,527,000**		**7,704,527,000**
	Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả						**01/01/2023**			**31/12/2023**		
							Giá trị	**Số có khả năng trả nợ**		**Giá trị**		**Số có khả năng trả nợ**
	Các khoản vay của công ty						**94,864,015,767**	**94,864,015,767**		**94,137,470,539**		**94,137,470,539**
	Vay bằng VND						**86,245,281,117**	**86,245,281,117**		**85,254,940,781**		**85,254,940,781**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)						*34,864,379,432*	*34,864,379,432*		*34,604,379,432*		*34,604,379,432*
	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (3)						*51,380,901,685*	*51,380,901,685*		*50,650,561,349*		*50,650,561,349*
	Vay bằng USD						**8,618,734,650**	**8,618,734,650**		**8,882,529,758**		**8,882,529,758**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (2)						*8,618,734,650*	*8,618,734,650*		*8,882,529,758*		*8,882,529,758*
	Các khoản vay kế thừa từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường						**203,659,612,176**	**203,659,612,176**		**251,492,702,512**		**251,492,702,512**
	Vay bằng VND						**7,800,000,000**	**7,800,000,000**		**237,920,742,512**		**237,920,742,512**

	Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - CN Thái Bình (4)					182,690,752,176		182,690,752,176		*230,145,742,512*		*230,145,742,512*
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)					*7,800,000,000*		*7,800,000,000*		*7,775,000,000*		*7,775,000,000*
	Vay bằng USD					**13,168,860,000**		**13,168,860,000**		**13,571,960,000**		**13,571,960,000**
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hà Nội (5)					*13,168,860,000*		*13,168,860,000*		*13,571,960,000*		*13,571,960,000*
	Cộng					**298,523,627,943**		**298,523,627,943**		**345,630,173,051**		**345,630,173,051**

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn:

(2) Hợp đồng số 150/2007/0320 ngày 06 tháng 03 năm 2007 và văn bản bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 150/2007/0320/PL ngày 06 tháng 10 năm 2016, với tổng số tiền cho vay là 49 tỷ đồng bao gồm cả ngoại tệ quy đổi và không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án. Mục đích vay để tài trợ phần máy móc thiết bị và xây dựng nhà xưởng phục vụ Dự án đầu tư xây dựng nhà máy dệt Đại Cường Thái Bình công suất 4.500 tấn/năm. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày nhận nợ vay đầu tiên, kỳ hạn trả gốc cuối cùng là quý 4 năm 2021. Lãi suất cho vay thả nổi. Hình thức đảm bảo tiền vay là toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty và bên thứ ba; nguồn thu từ các hợp đồng kinh tế mà Công ty là bên thụ hưởng toàn bộ số dư tài khoản của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và các tổ chức tín dụng khác.

Khế ước vay dài hạn số 15082000222569 số tiền 20.696.920.000 đồng, giải ngân ngày 28/09/2018. Thời hạn vay 10 năm. Mục đích vay để đầu tư nhà máy Đức Quân 6.

(3) Khoản vay dài hạn của Công ty với Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng vay như sau:

(3.1) Hợp đồng vay vốn tín dụng Đầu tư phát triển của Nhà nước số 03 /2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03/2014/HĐTDĐT - NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn tín dụng Đầu tư phát triển của nhà nước tối đa là 90.400.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt quá 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vẫn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 7,8%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay là Tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng VDB - Chi nhánh Thái Bình bao gồm Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(3.2) Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/HĐTD ngày 10 tháng 01 năm 2007 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tổng tiền cho vay từ nguồn vốn ODA tối đa là 34.600.000.000 đồng nhưng tổng số vốn vay cả hai nguồn vốn không vượt qua 70% tổng số vốn đầu tư tài sản cố định. Mục đích vay vốn là để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy kéo sợi dệt Đại Cường Thái Bình (nhà máy Đức Quân 2). Thời hạn cho vay là 15 năm kể từ tháng 2 năm 2008, kỳ hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh hàng tháng từ tháng 12 năm 2014 trở đi theo tháng. Đối với số lãi phải trả nhưng chưa trả đến hết ngày 30 tháng 11 năm 2014 sẽ hoàn trả theo lịch trả nợ chi tiết trong hợp đồng sửa đổi, bổ sung từ tháng 1 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi suất trong hạn là 9%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Hình thức đảm bảo tiền vay bao gồm tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của ngân hàng VDB- Chi nhánh Thái Bình là Nhà máy Đức Quân 2 (công suất 4.500 tấn/năm) của Công ty; tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10 % tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.

(4) Theo hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ hợp đồng tín dụng số 05/2015/HĐTD-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2015 Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay kế thừa lại theo các hợp đồng gốc sau:

(4.1) Hợp đồng số 08/2008/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2008. Thời hạn vay là 15 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 6,9 %/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 205.304.527.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm); Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(4.2) Hợp đồng số 01/2011/HDTDĐT-NHPT ngày 28 tháng 01 năm 2008. Thời hạn vay là 14 năm kể từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là 9,6%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Số dư vay tại thời điểm nhận kế thừa là 82.700.000.000 đồng. Hình thức đảm bảo là hệ thống máy móc, thiết bị hình thành sau đầu tư (bao gồm cả vốn vay và vốn tự có) của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy Đại Cường 5 (công suất 8.700 tấn/năm), Hoa lợi và lợi tức từ tài sản thế chấp.

(5) Theo hợp đồng chuyển giao nghĩa vụ nợ vay dài hạn số 150/1497403/HĐ/01 ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty nhận chuyển giao toàn bộ các khoản vay (bao gồm cả gốc và lãi chưa trả) tương ứng với các tài sản nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường. Khoản vay chuyển giao theo hợp đồng gốc số 150/2006/151 ngày 13 tháng 2 năm 2006. Tổng số tiền nhận nợ gốc là 27.500.000.000 đồng và 556.000 USD. Kỳ hạn trả nợ gốc theo quý, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là quý 4 năm 2020. Lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay gồm nhà xưởng và máy móc thiết bị của phân xưởng PE(thuộc nhà máy Đại Cường 1) của Công ty; tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng, các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế phát sinh mà Công ty là bên thụ hưởng.

Tại thời điểm 31/12/2023 các khoản vay đã quá hạn thanh toán là 712.607.398.477 đồng. Trong đó Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Hà Nội quá hạn thanh toán là 479.811.094.616 đồng; Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình quá hạn thanh toán là 232.796.303.861 đồng

19.	**Vốn chủ sở hữu**			
	a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu			
	Khoản mục	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**Quỹ đầu tư phát triển**	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**Cộng**
	Số dư tại ngày 01/01/2022	**500,000,000,000**	**9,142,927,632**	**(420,628,733,938)**	**88,514,193,694**
	Lợi nhuận	-	-	(473,051,704,579)	**(473,051,704,579)**
	Số dư tại ngày 01/01/2023	**500,000,000,000**	**9,142,927,632**	**(893,680,438,517)**	**(384,537,510,885)**
	Số dư tại ngày 31/12/2023	**500,000,000,000**	**9,142,927,632**	**(893,680,438,517)**	**(384,537,510,885)**
	Lợi nhuận	-	-	(322,414,198,913)	**(322,414,198,913)**
	Số dư cuối năm này	**500,000,000,000**	**9,142,927,632**	**(1,216,094,637,430)**	**(706,951,709,798)**

	b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Vốn góp của chủ sở hữu	**500,000,000,000**	**500,000,000,000**
	Vốn góp đầu năm	*500,000,000,000*	*500,000,000,000*
	Vốn góp cuối năm	*500,000,000,000*	*500,000,000,000*
	c. Cổ phiếu	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50,000,000	50,000,000
	Cổ phiếu phổ thông	*50,000,000*	*50,000,000*
	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50,000,000	50,000,000
	Cổ phiếu phổ thông	*50,000,000*	*50,000,000*
	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	*10,000*	*10,000*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
a.	**Doanh thu**		
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	174,982,045,193	189,479,727,437
	Cộng	**174,982,045,193**	**189,479,727,437**

2.	**Các khoản giảm trừ doanh thu**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Hàng bán bị trả lại	-	332,696,789
	Cộng	**-**	**332,696,789**

3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	174,982,045,193	189,147,030,648
	Cộng	**174,982,045,193**	**189,147,030,648**

4.	**Giá vốn hàng bán**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	172,369,775,005	178,179,406,829
	Cộng	**172,369,775,005**	**178,179,406,829**

5.	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**Năm 2023** / **Năm 2022**
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26,536,307 / 32,071,097
	Lãi chênh lệch tỷ giá	409,392,049 / 4,409,581,778
	Cộng	**435,928,356** / **4,441,652,875**

6.	**Chi phí tài chính**	**Năm 2023** / **Năm 2022**
	Lãi tiền vay	103,462,942,026 / 97,553,578,299
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	7,174,865,452 / 9,669,564,694
	Cộng	**110,637,807,478** / **107,223,142,993**

7.	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**Năm 2023** / **Năm 2022**
	a. Chi phí bán hàng	
	Chi phí vật liệu, bao bì	- / 14,220
	Chi phí bằng tiền khác	1,632,159,079 / 2,058,729,300
	Cộng	**1,632,159,079** / **2,058,743,520**
	b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
	Chi phí nhân viên quản lý	8,422,461,557 / 10,209,505,540
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,481,215,188 / 2,441,757,511
	Chi phí công cụ dụng cụ	16,599,163 / 10,548,747
	Thuế, phí và lệ phí	- / 896,415
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	90,022,665 / 62,511,335
	Chi phí bằng tiền khác	27,794,551,810 / 6,552,585,829
	Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	100,136,944,251 / 269,254,356,847
	Cộng	**138,941,794,634** / **288,532,162,224**

8.	**Thu nhập khác**	**Năm 2023** / **Năm 2022**
	Thanh lý khác	- / 5,000,000
	Thu nhập từ cho thuê cơ sở hạ tầng	5,505,234,814 / 71,340,080
	Các khoản thu nhập khác	303,224,702 / 2,736,518,843
	Cộng	**5,808,459,516** / **2,812,858,923**

9.	**Chi phí khác**	**Năm 2023** / **Năm 2022**
	Phạt chậm nộp bảo hiểm	835,146,010 / 1,334,474,749
	Tiền phạt nộp chậm thuế	- / 862,042
	Khấu hao TSCĐ vượt định mức	50,429,311,020 / 58,085,908,972
	Khấu hao lương vượt định mức	11,862,967,081 / 12,658,452,524
	Chi phí cho thuê cơ sở hạ tầng	2,626,513,855 / 659,683,022
	Các khoản khác	14,305,157,816 / 20,720,410,150
	Cộng	**80,059,095,782** / **93,459,791,459**

10.	**Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116,938,354,029	155,532,027,142
	Chi phí nhân công	40,070,472,679	43,432,994,581
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	73,565,585,368	79,910,267,988
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	50,430,263,981	44,253,915,829
	Chi phí khác bằng tiền	33,098,794,722	21,994,452,464
	Cộng	**314,103,470,779**	**345,123,658,004**

11.	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(322,414,198,913)	(473,051,704,579)
	Các khoản loại trừ khỏi chi phí tính thuế	64,656,373,450	37,422,920,035
	Chi phí không hợp lệ	*64,656,373,450*	*37,422,920,035*
	2. Thu nhập tính thuế	(257,757,825,463)	(435,628,784,544)
	3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
	Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

12.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**Năm 2023**	**Năm 2022**
	Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**(322,414,198,913)**	**(473,051,704,579)**
	Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**(322,414,198,913)**	**(473,051,704,579)**
	Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50,000,000	50,000,000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(6,448)**	**(9,461)**

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Dưới 1 năm*	*Từ 1-5 năm*	*Trên 5 năm*	*Tổng cộng*
Các khoản vay và nợ	779,489,190,409	7,704,527,000	-	**787,193,717,409**
Phải trả người bán	48,703,902,903	-	-	**48,703,902,903**
Chi phí phải trả	615,543,549,655	20,522,519,923	-	**636,066,069,578**
Cộng	**1,464,501,835,378**	**28,227,046,923**	**-**	**1,492,728,882,301**
Ngày 01 tháng 01 năm 2023				
Các khoản vay và nợ	729,911,428,301	55,704,527,000	-	**785,615,955,301**
Phải trả người bán	54,308,487,622	-	-	**54,308,487,622**
Chi phí phải trả	478,565,230,751	32,522,519,923	-	**511,087,750,674**
Cộng	**1,284,101,092,459**	**88,227,046,923**	**-**	**1,372,328,139,382**

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 01 tháng 01 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

18. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

(Trang ngang)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2023		01/01/2023		31/12/2023	01/01/2023
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1,086,976,013	-	2,853,313,057	-	1,086,976,013	2,853,313,057
- Phải thu về cho vay	68,142,787,218	-	112,939,846,388	-	68,142,787,218	112,939,846,388
- Phải thu khách hàng	393,995,482,753	(291,172,385,855)	402,292,492,477	(269,254,356,847)	102,823,096,898	133,038,135,630
- Phải thu khác	54,940,365,531	-	55,034,082,917	-	54,940,365,531	55,034,082,917
TỔNG CỘNG	**518,165,611,515**	**(291,172,385,855)**	**573,119,734,839**	**(269,254,356,847)**	**226,993,225,660**	**303,865,377,992**
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	787,193,717,409	-	785,615,955,301	-	787,193,717,409	785,615,955,301
- Phải trả người bán	48,703,902,903	-	54,308,487,622	-	48,703,902,903	54,308,487,622
- Chi phí phải trả	615,543,549,655	-	511,087,750,674	-	615,543,549,655	511,087,750,674
TỔNG CỘNG	**1,472,206,362,378**	**-**	**1,372,328,139,382**	**-**	**1,472,206,362,378**	**1,372,328,139,382**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1.	**Giao dịch với các bên liên quan**			
	Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong kỳ như sau:			
	Giao dịch phát sinh trong kỳ:			
	Số dư cuối kỳ			
	Bên liên quan	**Mối quan hệ**	**31/12/2023**	**01/01/2023**
	Phải thu ngắn hạn khách hàng		**10,767,329,593**	**10,767,329,593**
	Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Công ty có liên quan	10,767,329,593	10,767,329,593
	Phải trả người bán ngắn hạn		**19,180,435,650**	**19,180,435,650**
	Công ty CP Xuất nhập khẩu thủy sản Miền trung	Công ty có liên quan	19,180,435,650	19,180,435,650

		Năm 2023
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban lãnh đạo Công ty		
1.	**Hội đồng quản trị**	**360,000,000**
	Lê Mạnh Thường - Chủ tịch	96,000,000
	Đỗ Văn Sinh - Thành viên; Tổng Giám đốc	60,000,000
	Nguyễn Hoàng Giang -Thành viên	60,000,000
	Trần Xuân Tiến- Thành viên, Phó Tổng giám đốc	60,000,000
	Đào Thị Huệ- Thành viên	60,000,000
	Lưu Thị Thùy Minh - Thư ký HĐQT	24,000,000
2.	**Ủy ban kiểm toán**	**60,000,000**
	Nguyễn Hoàng Giang -Trưởng ban	36,000,000
	Đào Thị Huệ- Thành viên	24,000,000
3.	**Ban điều hành**	**746,921,745**
	Đỗ Văn Sinh- Tổng Giám đốc	296,703,297
	Trần Xuân Tiến- Phó Tổng giám đốc	237,254,808
	Đào Văn Nam - Kế toán trưởng	212,963,640
	Cộng	**1,166,921,745**

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến 30/06/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Thái Bình, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Trần Thị Quý	**Đào Văn Nam**	**Đỗ Văn Sinh**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**